

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Xuân Hưng

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TẤN PHÁT - AA**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Xuân Hưng
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Xuân Hưng

Mã SV: 1213401022

Lớp: QTL603K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Tấn Phát - AA

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Tấn Phát - AA.
 - Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Tấn Phát – AA.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu kế toán năm 2013 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tấn Phát – AA.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
Công ty trách nhiệm hữu hạn Tấn Phát - AA

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Mai Linh**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ QTKD

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Tấn Phát - AA.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 07 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Tấn Phát - AA, có số liệu minh họa cụ thể (quý 4 năm 2013). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán tương đối hợp lý và logic.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Tấn Phát - AA, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ. ..	2
1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	2
1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh	3
1.1.2.1 Doanh thu	3
1.1.2.2. Chi phí	6
1.1.2.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	7
1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	7
1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.	8
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	8
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	8
1.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng	8
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	10
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	11
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng	12
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng	12
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán	13
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	15
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng	15
1.2.4. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.....	17
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	17
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	17
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	18

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	19
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng	19
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	19
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán	19
1.2.6. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh	20
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng	20
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng	20
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán	22
1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	23
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	23
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái	24
1.3.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	25
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ	26
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	27
CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TẤN PHÁT – AA.....	28
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TẤN PHÁT – AA.....	28
2.1.1. Quá trình hình thành phát triển	28
2.1.2. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty	29
2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Tấn Phát – AA	31
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	31
2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty	32
2.1.3.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản.....	32
2.1.3.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán.....	32
2.1.3.5. Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính tại Công ty.....	34
2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	34
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA.....	34
2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA.....	34

2.2.1.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	34
2.2.1.3. Quy trình hạch toán.....	35
2.2.1.4. Ví dụ minh họa :.....	36
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA....	40
2.2.2.1. Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Tấn Phát – AA	40
2.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	40
2.2.2.3. Quy trình hạch toán.....	41
2.2.2.4. Ví dụ minh họa.....	42
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	46
2.2.3.1. Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Tấn Phát – AA.....	46
2.2.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	46
2.2.3.3. Quy trình hạch toán.....	47
2.2.3.4. Ví dụ minh họa.....	48
2.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA.....	53
2.2.4.1. Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát - AA.....	53
2.2.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng	53
2.2.4.3. Quy trình hạch toán.....	54
2.2.4.4. Ví dụ minh họa.....	55
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	61
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA.....	61
2.2.6.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng	61
2.2.6.2. Quy trình hạch toán.....	61
2.2.6.3. Ví dụ minh họa.....	61
CHƯƠNG III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TẤN PHÁT – AA	
.....	69
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TẤN PHÁT – AA	
.....	69
3.1.1. Ưu điểm.....	69

3.1.2.Nhược điểm.....	71
3.2 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TẤN PHÁT – AA.....	72
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA.....	72
3.2.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA.....	73
3.2.2.1Hiện đại hóa công tác kế toán.....	73
3.2.2.2.....Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA.....	77
3.2.2.3. Hoàn thiện việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.....	84
3.2.3.4. Một số giải pháp khác.....	88
KẾT LUẬN	91

LỜI MỞ ĐẦU

Trong xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới như hiện nay sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp diễn ra vô cùng gay gắt và quyết liệt. Tháng 11 năm 2006, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của tổ chức Thương mại Thế giới WTO. Đây là một cơ hội và thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh Thương mại dịch vụ văn phòng như công ty TNHH Tấn Phát – AA nói riêng. Để tồn tại và phát triển vững trãi trên thị trường các doanh nghiệp phải xây dựng cho mình những giải pháp cạnh tranh hiệu quả có thể đánh bật các đối thủ trên thương trường. Trong những giải pháp được đặt ra cho các Doanh nghiệp vừa và nhỏ thì giải pháp là xây dựng một bộ máy kế toán hiệu quả và phù hợp với mỗi Doanh nghiệp.

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát AA, em quyết định chọn đề tài : **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát AA”**.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, khóa luận tốt nghiệp bao gồm 3 chương :

Chương I : Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương II : Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát AA.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn phát AA.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh. Đồng thời em xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo và phòng kế toán Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát AA đã tạo điều kiện để em hoàn thành bài khóa luận này. Do thời gian và trình độ có hạn nên bài viết này không thể tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô giáo để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Sinh viên

Phạm Xuân Hưng

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm các khoản thu từ hoạt động khác mang lại.

Về việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh. Đồng thời doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính. Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích, lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.1.2.1 Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Doanh thu bao gồm :

➤ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định 149/2001/QĐ- BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau :

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Theo chuẩn mực số 14 thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn 4 điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Xác định công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng :

❖ Phương thức bán hàng trực tiếp

Theo phương thức bán hàng trực tiếp người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi người của doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào hóa đơn chứng từ bán hàng chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

❖ Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện đã ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua chấp nhận thanh toán và ký nhận đã nhận hàng thì toàn bộ lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua và thời điểm đó bên bán ghi nhận doanh thu.

❖ **Phương thức bán hàng gửi đại lý**

Theo phương thức này doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý, bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán hàng và phải thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp và được hưởng hoa hồng đại lý bán. Số hàng hóa gửi đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc thông báo hàng bán được.

❖ **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp**

Phương thức này bán hàng sẽ phải thu tiền nhiều lần. Khi doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng thì lượng hàng đó xác định tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất được quy định trước trong hợp đồng.

❖ **Phương thức hàng đổi hàng**

Doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để lấy những mặt hàng thiết yếu mà Công ty có nhu cầu. Giá trao đổi là hiện hành của vật tư, hàng hóa cung ứng trên thị trường.

➤ **Các khoản giảm trừ doanh thu :**

✓ **Chiết khấu thương mại :** Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua bán hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

✓ **Giảm giá hàng bán :** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua trong trường hợp : hàng hóa bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ghi trên hợp đồng.....

✓ **Hàng bán bị trả lại :** Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như : vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng

loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

✓ **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị tăng theo phương pháp trực tiếp :**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt : là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích.

- Thuế xuất khẩu : là loại thuế được đánh vào tất cả hàng hóa dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam..

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp : là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Vì vậy, số tiền thuế GTGT phải nộp trong kỳ tương ứng với doanh thu của doanh nghiệp đã xác định.

➤ **Doanh thu thuần**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

➤ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản...

Theo chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau :

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Theo chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được chia được ghi nhận trên cơ sở :

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

➤ **Thu nhập khác**

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác” bao gồm các khoản thu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra các doanh thu gồm :

- Thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Các khoản thu khác.

1.1.2.2. Chi phí

Theo chuẩn mực số 01 QĐ số 165/2002/QĐ – BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác. Chi phí bao gồm các khoản sau :

➤ Giá vốn hàng bán :

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ Chi phí quản lý kinh doanh :

Chi phí quản lý kinh doanh là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, quản lý của doanh nghiệp như chi phí quảng cáo, chi phí hoa hồng đại lý, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí lương nhân viên, khấu hao tài sản cố định, các khoản phí và lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài...

➤ Chi phí hoạt động tài chính :

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

➤ Chi phí khác :

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như : chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại, tiền phạt do vi phạm hợp đồng (nếu có).

➤ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp :**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong thời kỳ nhất định.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV + Doanh thu tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại quy cách, mẫu mã... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, và thu nhập khác.

- Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Đưa ra những ý kiến, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho Ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2 NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Giấy báo có của ngân hàng;
- Ủy nhiệm thu;
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

1.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng

❖ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết cấu của tài khoản 511 :

✚ Bên Nợ :

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✚ Bên Có :

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

✚ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 4 tài khoản cấp 2 :

- Tài khoản 5111 : Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 : Doanh thu bán thành phẩm
- Tài khoản 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118 : Doanh thu khác

❖ Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại, hoặc hàng bán được giảm giá.

✚ Bên Nợ :

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

✚ Bên Có :

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.

✚ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ và chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2.

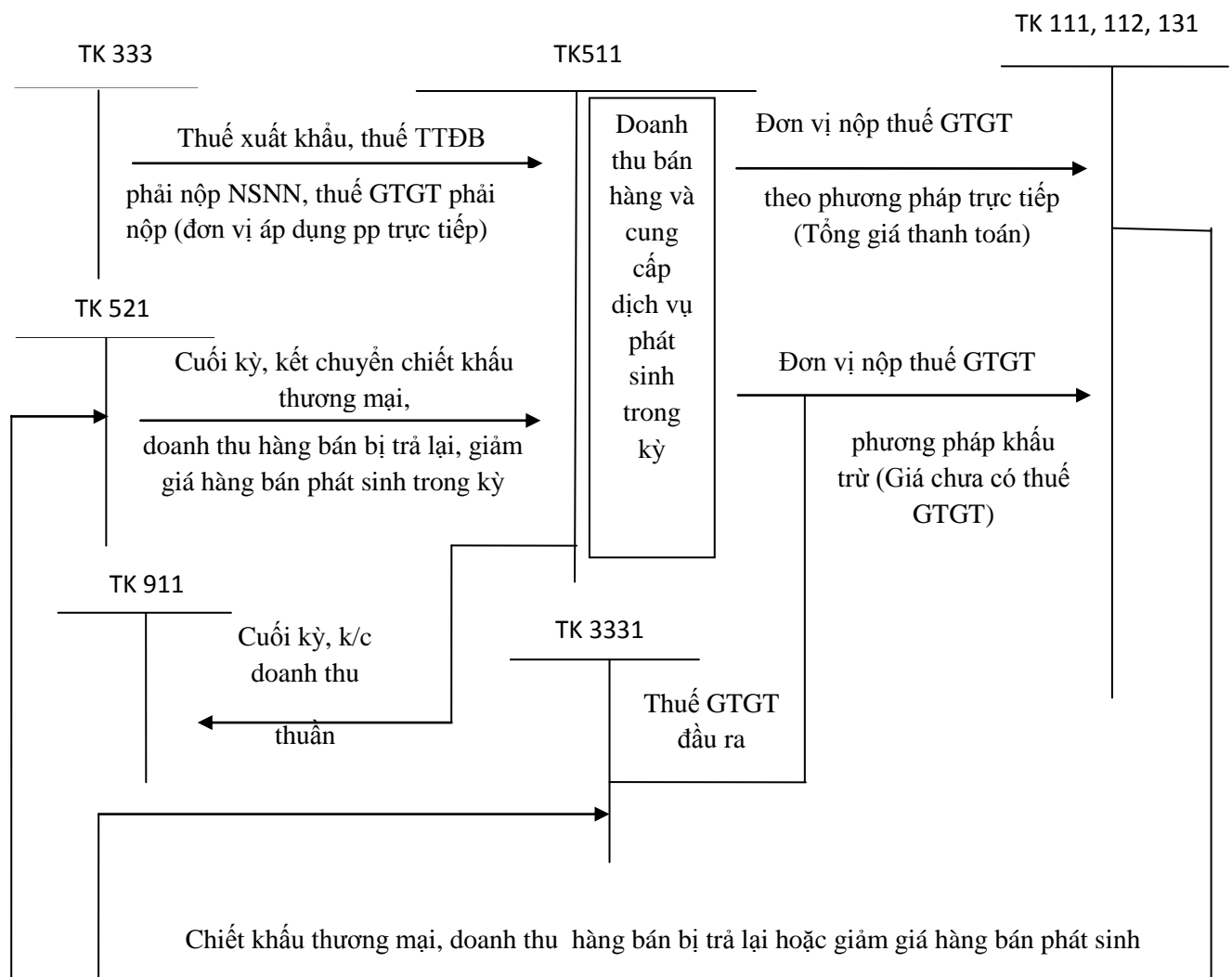
- Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Ngoài ra để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu kế toán còn sử dụng các tài khoản như :

- TK 3332 “Thuế tiêu thụ đặc biệt”
- TK 3333 “Thuế xuất khẩu”
- TK 3331 “Thuế GTGT phải nộp” .

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1 :



Sơ đồ 1.1 : Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

- **Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho :**

- **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì trị giá xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

- **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần đầu tiên.

- **Phương pháp bình quân gia quyền**

Trị giá thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức :

$$\text{Trị giá vốn của hàng hoá xuất kho} = \text{Số lượng hàng hoá xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ :

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá của hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn :

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

- Phương pháp giá thực tế đích danh

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhân diện được. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng**❖ Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

▪ **Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên :**

+ Bên nợ :

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Bên có :

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” .
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bị trả lại nhập kho.

+ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

▪ **Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ :**

+ Bên nợ :

- Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Bên có :

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ.
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa xuất bán vào bên nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

❖ Tài khoản 631 – Giá thành sản xuất

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi tiết sản xuất và tính giá thành dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

+ Bên nợ :

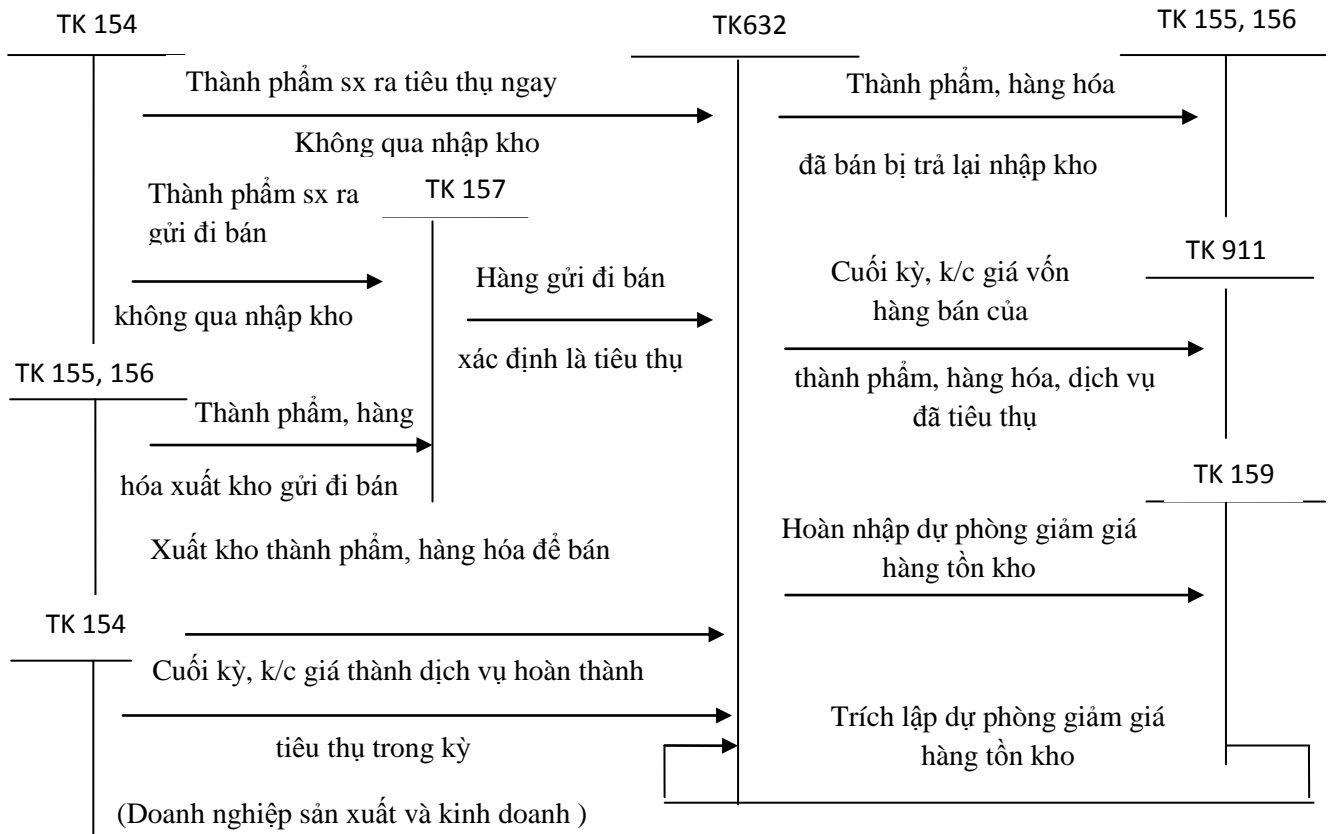
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ
- Chi phí sản xuất kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.

+ Bên có :

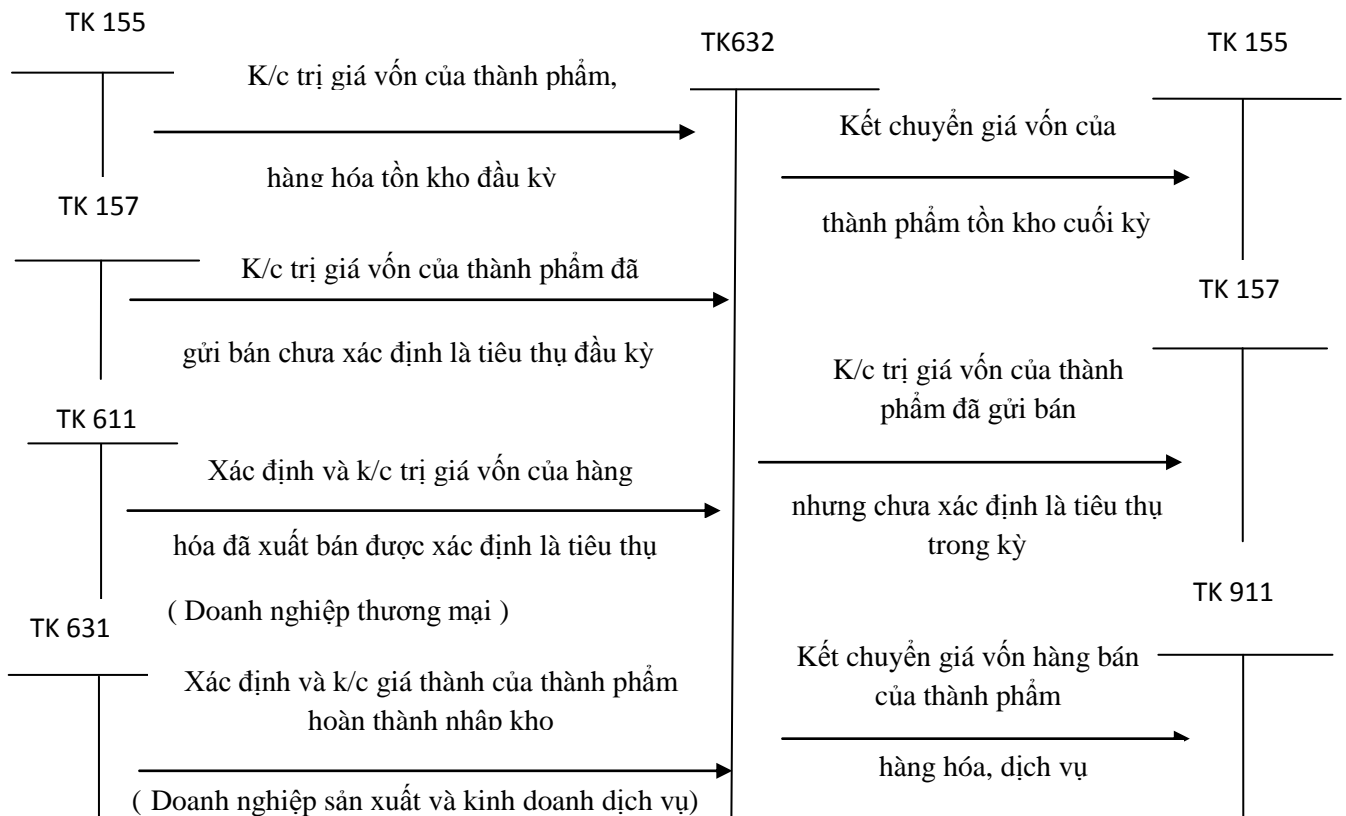
- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632 “Giá vốn hàng bán”.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

+ Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.**1.2.2.3 Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát thông qua sơ đồ 1.2 và 1.3:



Sơ đồ 1.2 : Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 1.3 : Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê định kỳ)

1.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và lao động xã hội.
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng :

❖ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung, chi phí về bán hàng của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

✚ Bên nợ :

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

✚ Bên có :

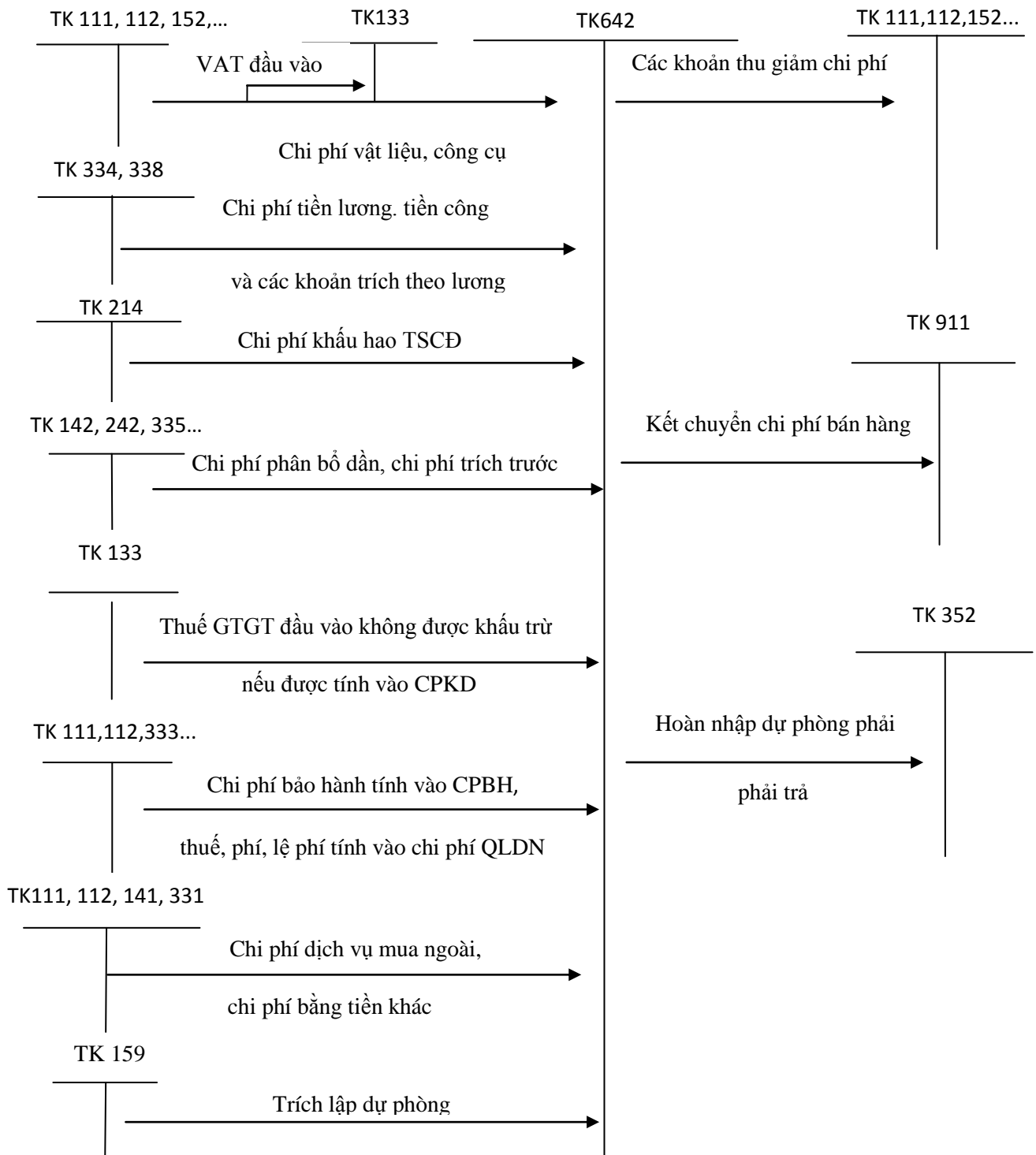
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh và tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ

✚ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2 :

- Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ 1.4 :



Sơ đồ 1.4 : Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4 Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng.
- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

❖ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

✚ Bên nợ :

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911.

✚ Bên có :

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

✚ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

✚ Bên nợ :

- Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài chính, Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh, Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành của hoạt động vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

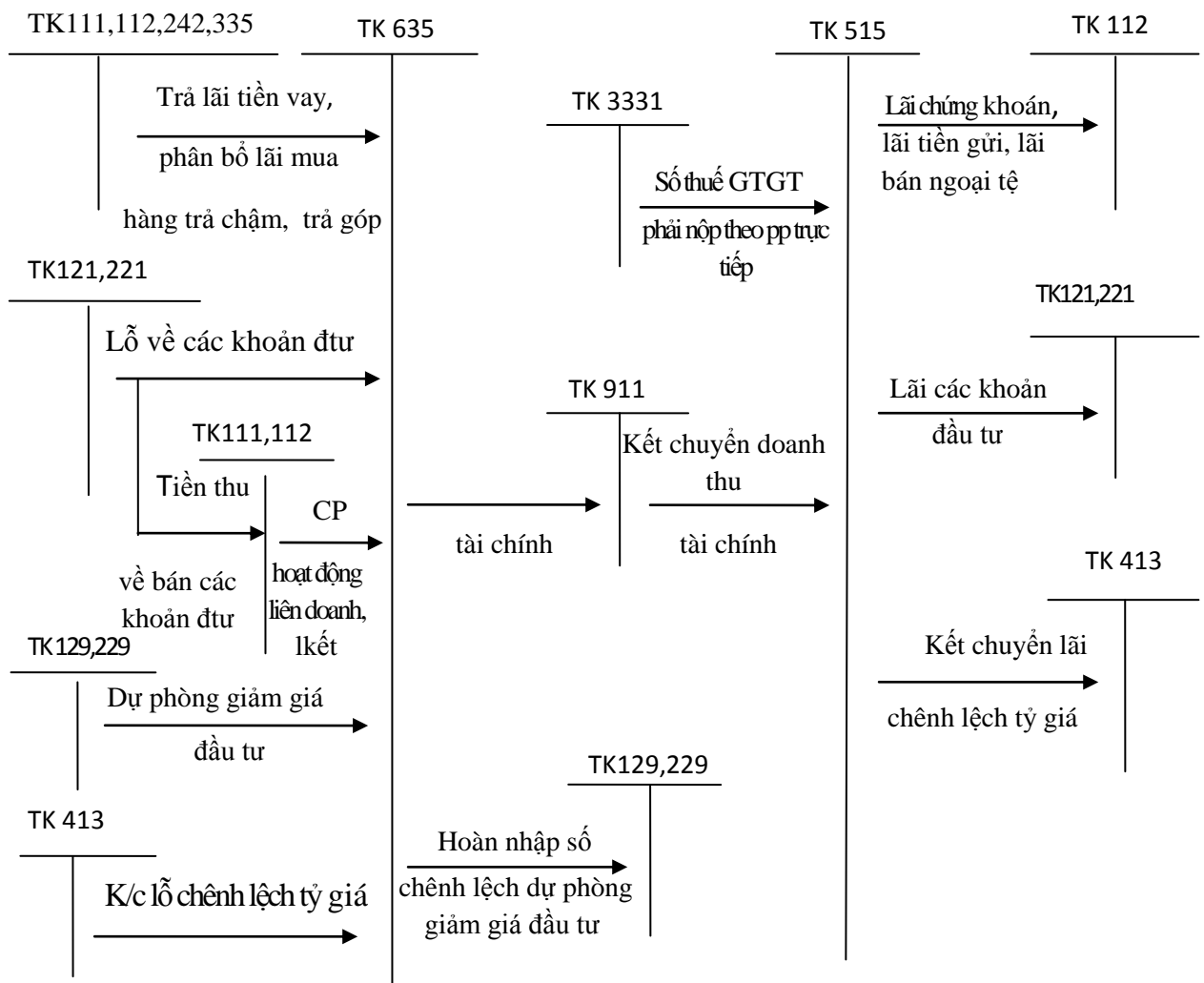
✚ Bên có :

- Hoàn thành dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

✚ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính được khái quát thông qua sơ đồ 1.5 :



Sơ đồ 1.5 : Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi;
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định;
- Phiếu kế toán;
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✚ Bên nợ :

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.

✚ Bên có :

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

✚ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

✚ Bên nợ :

- Các khoản chi phí khác phát sinh.

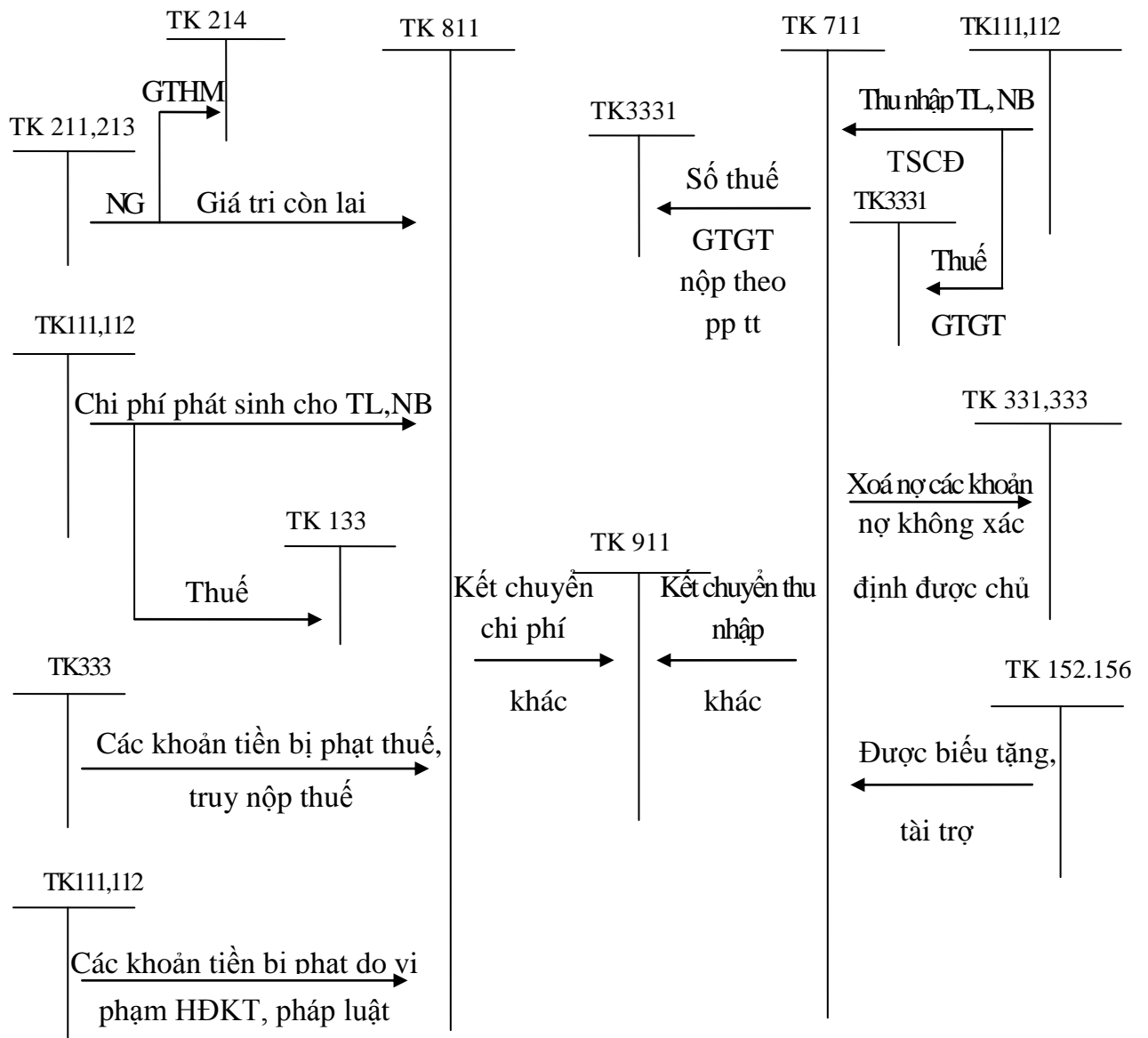
✚ Bên có :

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “ Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”.

✚ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát thông qua sơ đồ 1.6 :



Sơ đồ 1.6 : Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6 Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định, phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm : kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

+ Bên nợ :

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí quản lý kinh doanh;
- Kết chuyển lãi.

+ Bên có :

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

+ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.**❖ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

+ Bên nợ :

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm.

+ Bên có :

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm;
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước;
- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

+ Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.**❖ Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

+ Bên nợ :

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;

- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

✚ **Bên có :**

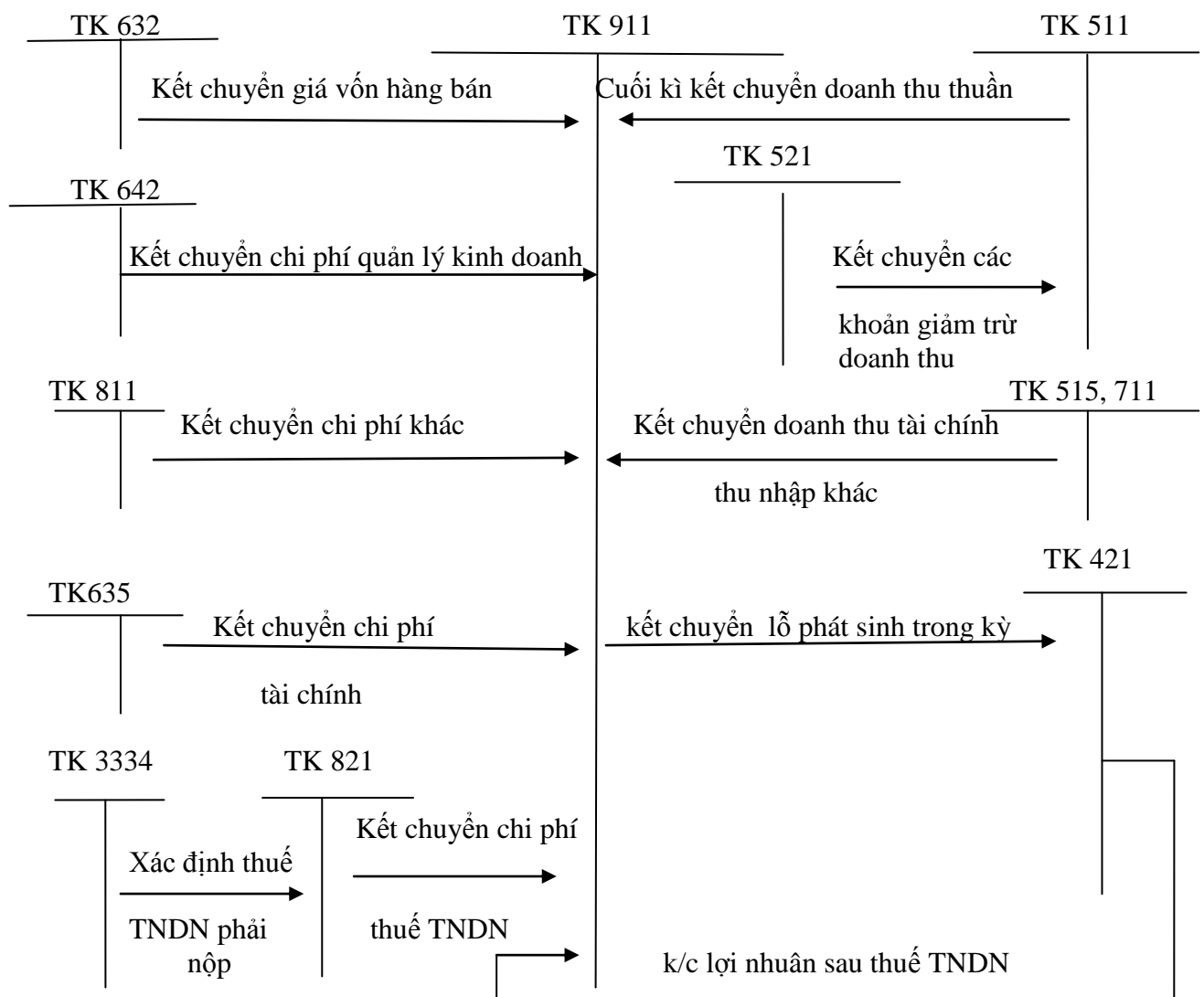
- Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

✚ **Tài khoản 421 có 2 tiểu khoản cấp 2 :**

- Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- Tài khoản 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ 1.7 :



Sơ đồ 1.7 – Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

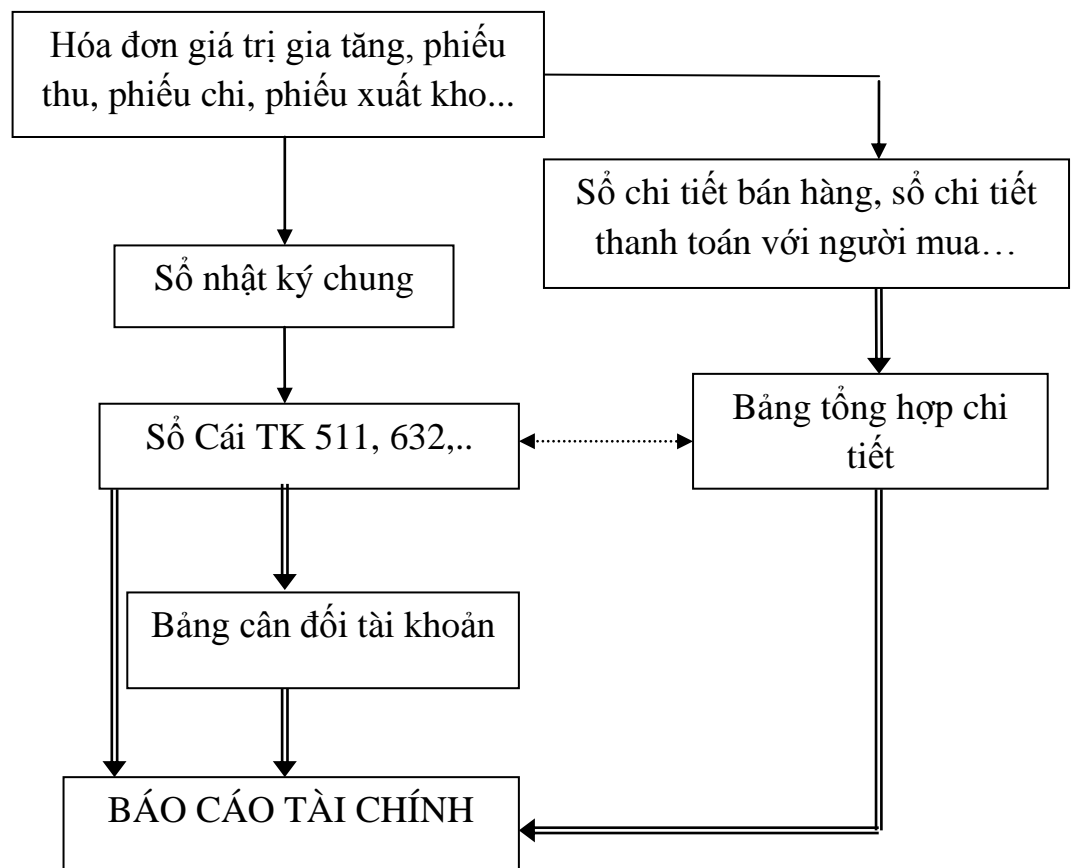
❖ **Đặc trưng cơ bản** : Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ **Các loại sổ chủ yếu** :

- Sổ nhật ký chung;
- Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ** : Hình thức kế toán Nhật ký chung thể hiện qua sơ đồ 1.8:

Sơ đồ 1.8 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



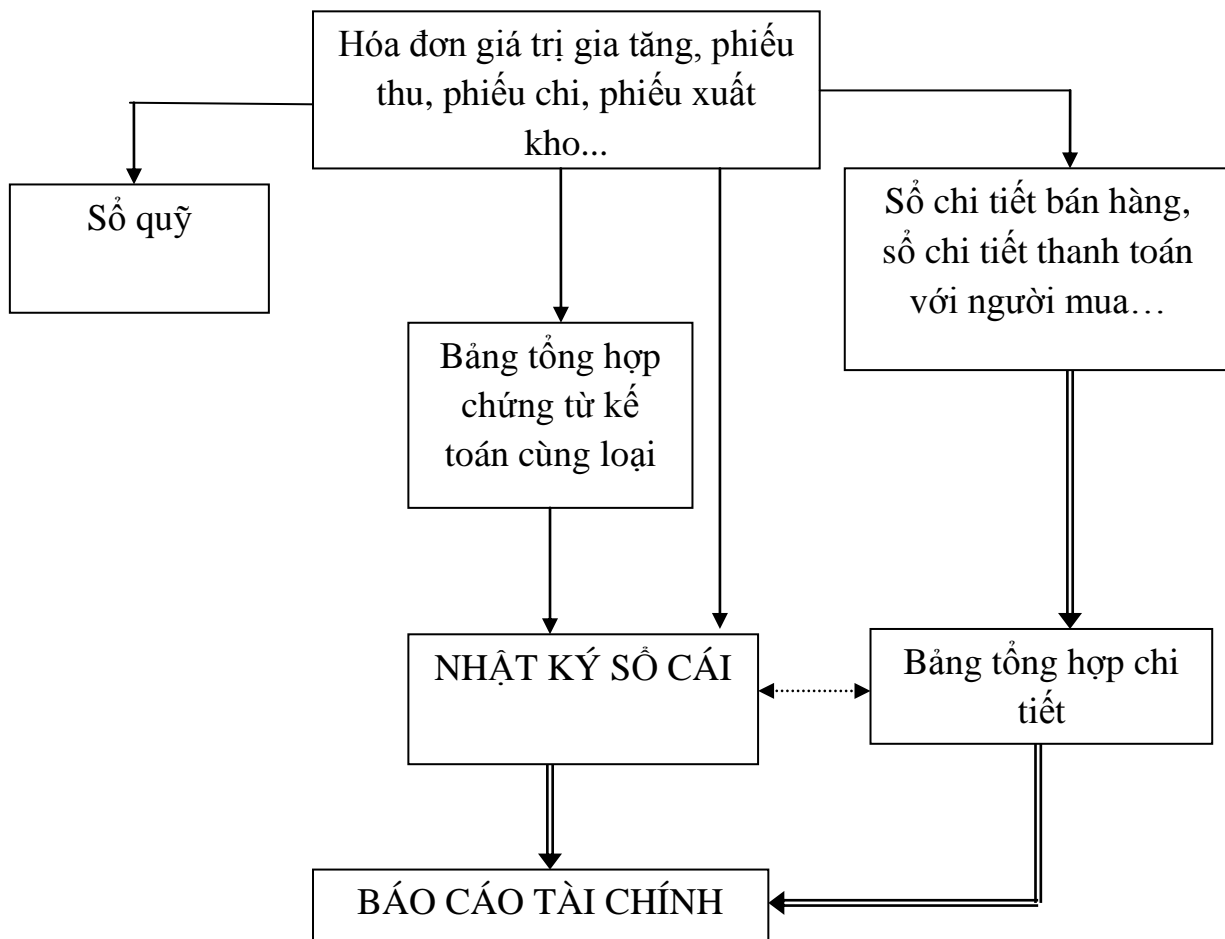
Ghi chú :

Ghi hàng ngày	→
Ghi cuối tháng	⇒
Đối chiếu, kiểm tra	↔

1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

- ❖ **Đặc trưng cơ bản** : Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái, Căn cứ vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.
- ❖ **Các loại sổ chủ yếu** :
 - Nhật ký, sổ cái
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- ❖ **Trình tự ghi sổ** : Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái được thể hiện qua sơ đồ 1.9

Sơ đồ 1.9 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đôi chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

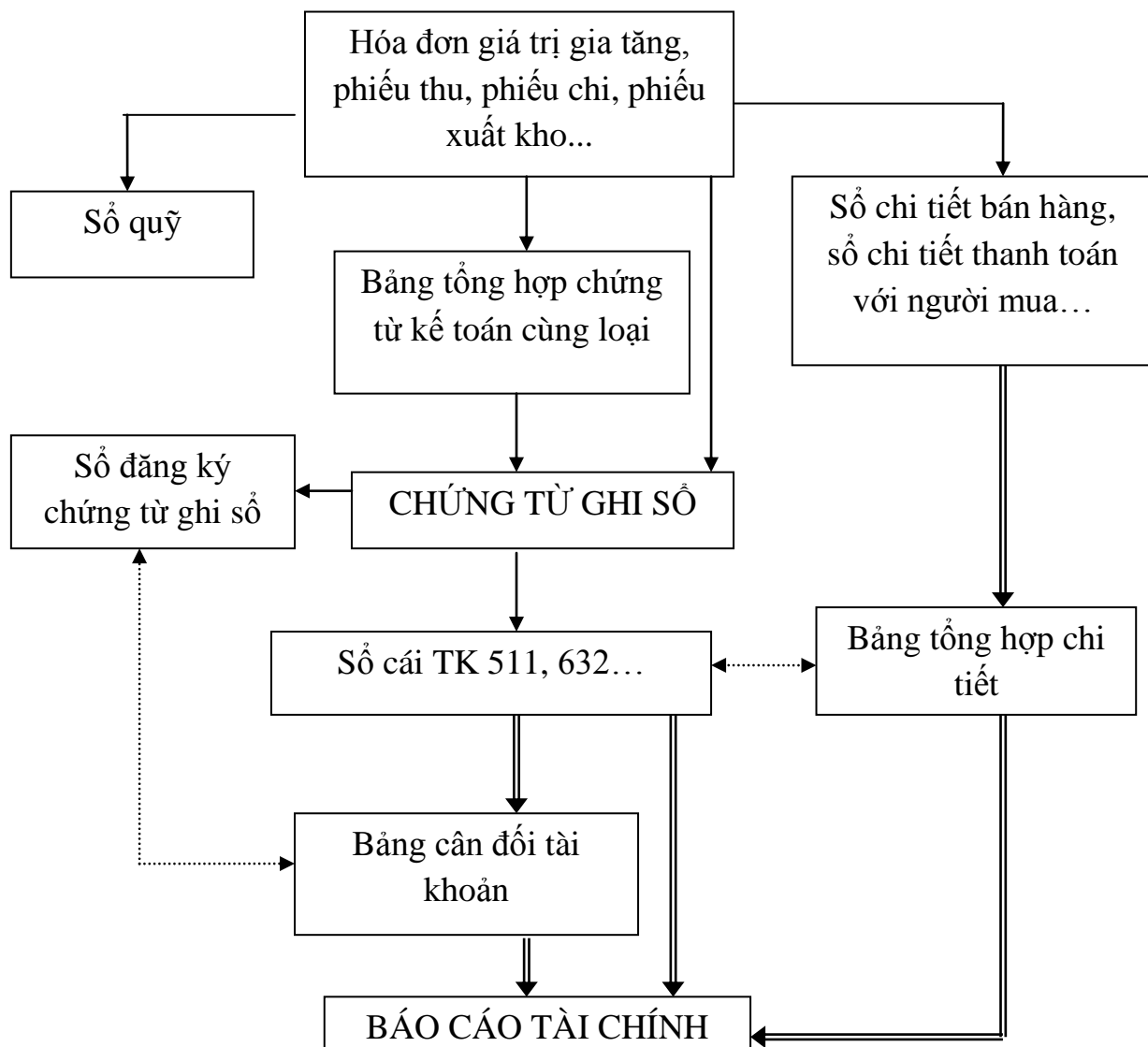
❖ **Đặc trưng cơ bản:** Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

❖ **Các loại sổ chủ yếu :**

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các sổ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ :** Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ 1.10:

Sơ đồ 1.10 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú : Ghi hàng ngày \longrightarrow
 Ghi cuối tháng \Longrightarrow
 Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.4 Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

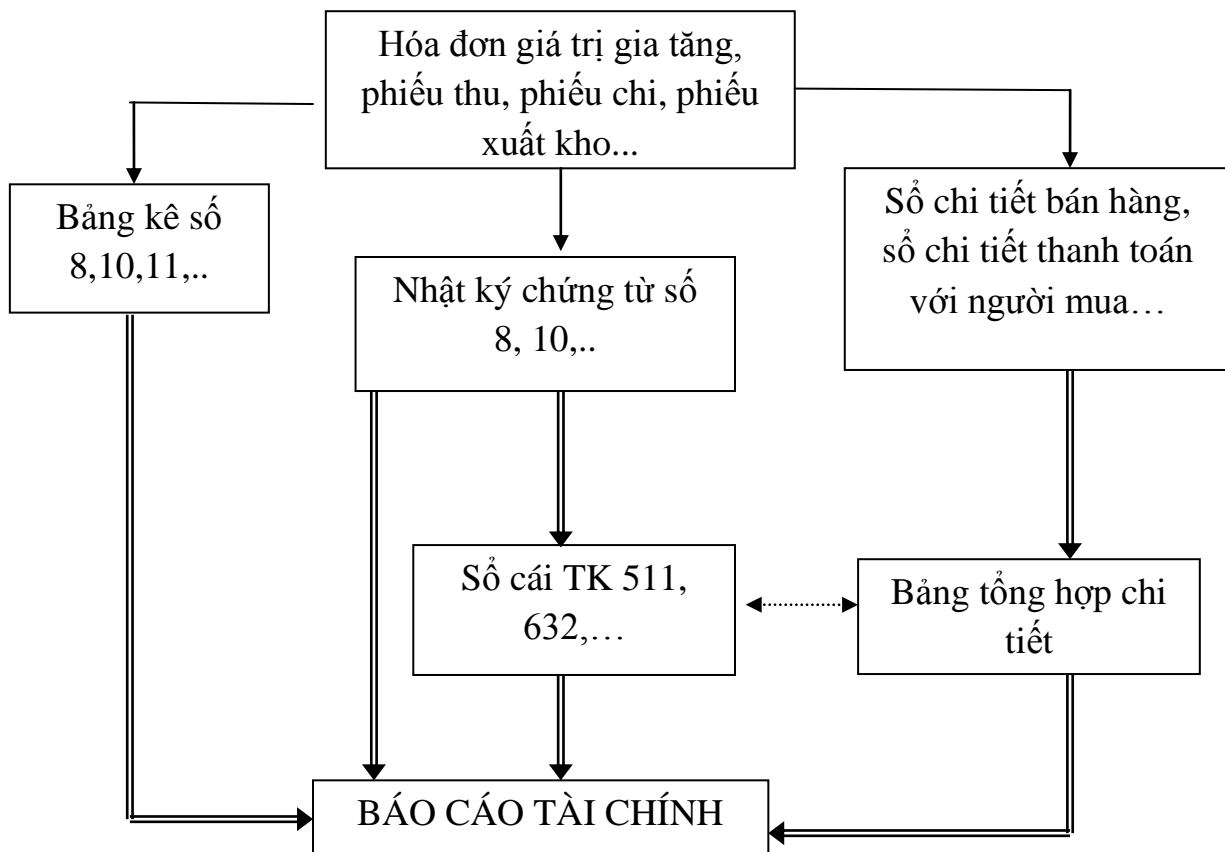
❖ **Đặc trưng cơ bản** : Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

❖ **Các loại sổ chủ yếu** :

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ** : Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ được thể hiện qua sơ đồ 1.11:

Sơ đồ 1.11 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

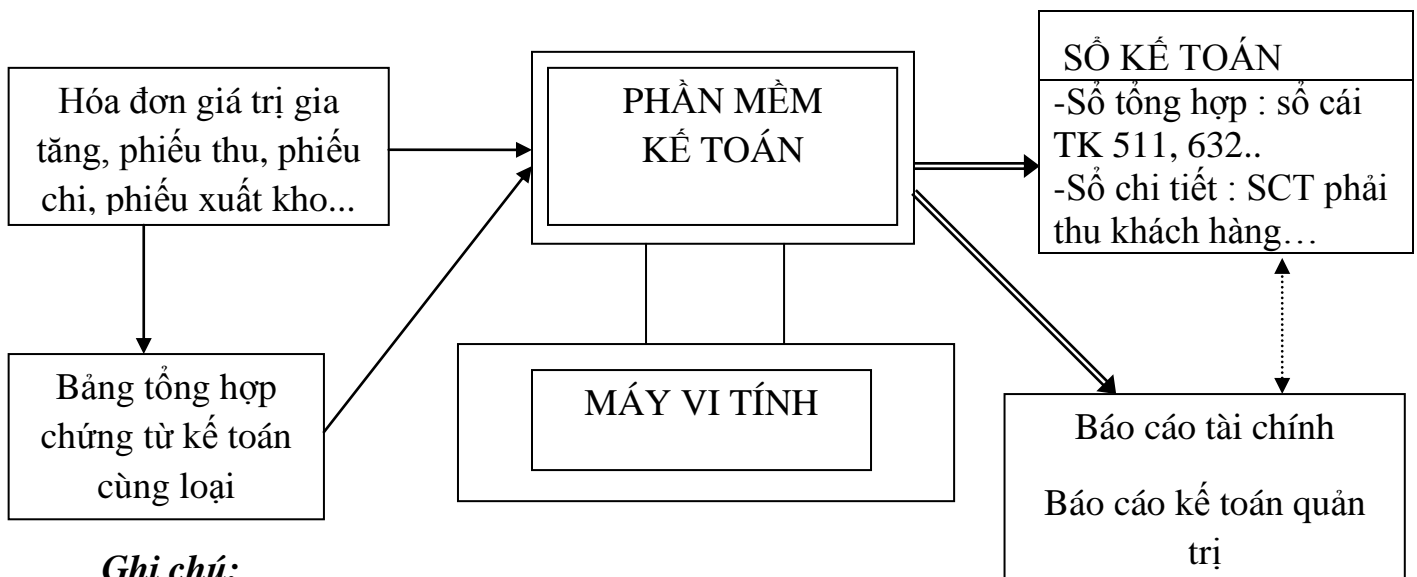
Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

- ❖ **Đặc trưng cơ bản** : Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.
- ❖ **Các loại sổ chủ yếu** : Phần mềm kế toán được thiết lập theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức đó.
- ❖ **Trình tự ghi sổ** : Hình thức kế toán máy được thể hiện qua sơ đồ 1.12

Sơ đồ 1.12 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Kế toán máy



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TẤN PHÁT – AA

2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TẤN PHÁT – AA

2.1.1 Quá trình hình thành phát triển

Công ty TNHH Tấn Phát – AA được thành lập ngày 19 tháng 6 năm 2009 đăng ký kinh doanh tại Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Hải Dương. Một số thông tin cơ bản về công ty :

- Tên công ty : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TẤN PHÁT – AA
- Tên viết tắt : TANPHAT-AA CO.,LTD
- Đăng ký kinh doanh ngày 19/6/2009
- Mã số thuế : 0800752922
- Địa chỉ : Số 39 Đường Lê Thánh Tông – P. Lê Thanh Nghị - TP.Hải Dương
- Điện thoại : 03203.897838
- Các ngành nghề đăng ký kinh doanh :
 - + Quảng cáo in ấn và xuất bản
 - + Mua bán cho thuê thiết bị máy văn phòng
 - + Sửa chữa điện tử điện lạnh, văn phòng phẩm, công nghệ thông tin...

Công ty TNHH Tấn Phát – AA là đơn vị hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, được mở các tài khoản tại ngân hàng trong và ngoài nước, được sử dụng con dấu riêng theo mẫu quy định của ngân hàng.

Đi vào hoạt động được hơn 5 năm cùng với sự phát triển đi lên của nền kinh tế đất nước, sự hòa nhập trong công cuộc đổi mới, công ty đã không ngừng phát triển đi lên cùng sự phát triển của đất nước và đạt được những thành quả đáng ghi nhận. Công ty luôn hoàn thành kế hoạch đã đề ra, bảo toàn và phát triển nguồn vốn đồng thời luôn mang lại lợi ích cho người lao động. Bên cạnh đó công ty không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ công nhân viên, trang thiết bị máy móc hiện đại hơn đảm bảo cho quá trình kinh doanh của công ty. Qua đó cho thấy sự phát triển mạnh mẽ, vượt bậc của công ty trong thời gian qua và giúp công ty khẳng định được vị thế, đứng vững trên thị trường.

Công ty đã quyết định lựa chọn lĩnh vực kinh doanh thương mại chủ yếu là mua bán thiết bị văn phòng, điện tử điện lạnh nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của các trụ sở văn phòng của doanh nghiệp, các nhân tổ chức. Công ty hoạt động trong vòng xoáy cạnh tranh của thị trường, đi kèm với những cơ hội là thách thức của sân chơi lớn mở ra cho các doanh nghiệp.

Trải qua hơn 5 năm xây dựng và phát triển, công ty đã đạt được những thành quả nhất định trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Suốt thời gian đó, bên cạnh những thuận lợi công ty cũng gặp không ít những khó khăn.

- **Thuận lợi**

- Sự quan tâm chỉ đạo sâu sắc của ban giám đốc và các công ty hợp tác
- Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ năng động, có thời gian công tác lâu năm, có tinh thần đoàn kết năng động sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong công việc.

- Công ty đã khai thác, tận dụng lợi thế của mình để tăng nguồn vốn của mình. Công ty luôn gương mẫu và ưu tiên hàng đầu trong việc nộp các khoản thuế, phí, lệ phí cho Ngân sách nhà nước và thu nhập ổn định cho công nhân viên.

- Chính vì thế đã tạo ra uy tín và được khách hàng đánh giá rất cao.

- **Khó khăn**

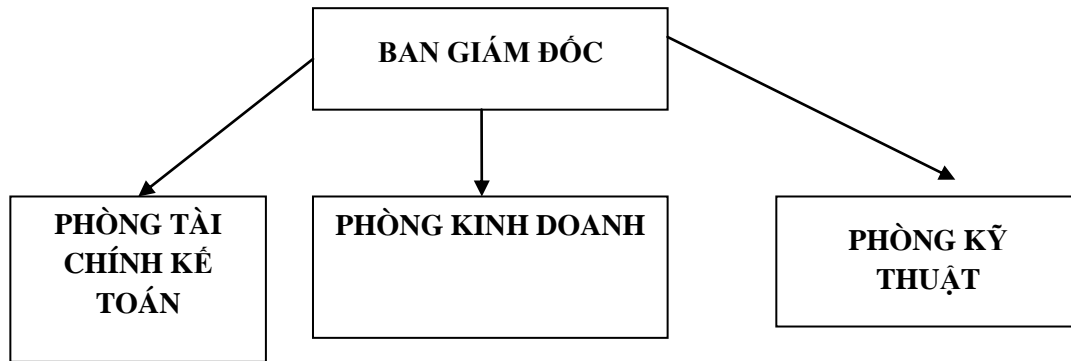
- Từ ngay từ ngày đầu thành lập công ty đã bị ảnh hưởng của suy thoái nền kinh tế trong và ngoài nước khiến công ty gặp khó khăn trong việc phát triển khách hàng.

- Trên địa bàn có rất nhiều doanh nghiệp cùng kinh doanh trong lĩnh vực này, do đó đối thủ cạnh tranh tương đối lớn đòi hỏi công ty cần làm tốt công tác thị trường và dịch vụ chăm sóc khách hàng để thu hút khách hàng.

Trong giai đoạn hiện nay, Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên công ty luôn cố gắng nỗ lực khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.1.2 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty

Tổ chức bộ máy quản lý của công ty có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp tạo nên sự thống nhất nhịp nhàng giữa các bộ phận trong doanh nghiệp. Đảm bảo cho việc tăng cường công tác kiểm tra giám sát chỉ đạo và nâng cao hiệu quả kinh doanh, doanh nghiệp đã thiết lập một bộ máy quản lý gọn nhẹ nhất.



Sơ đồ 2.1 : Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Tấn Phát - AA

Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban.

• **Giám đốc**

Là người đứng đầu bộ máy quản lý của công ty, là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Nhà nước về hoạt động kinh doanh của công ty và là người chỉ huy cao nhất, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty có hiệu quả, việc làm cho cán bộ công nhân viên và sử dụng vốn có hiệu quả và thực hiện nghĩa vụ của công ty đối với ngân sách nhà nước. Giám đốc có quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ công nhân viên dưới quyền; ký kết các hợp đồng kinh tế theo luật định; Giám đốc có quyền tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng lao động phù hợp với bộ luật lao động.

• **Phòng kinh doanh**

Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tiến hành xây dựng triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tổng hợp và phân tích kết quả kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, phòng kinh doanh còn phụ trách giao dịch, ký kết các hợp đồng với khách hàng. Tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng các hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.

• **Phòng tài chính - kế toán:**

- Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày trên phần mềm kế toán đúng luật kế toán thống kê theo quy định của Nhà nước.

- Quản lý tài chính, cung cấp các thông tin tài chính của doanh nghiệp làm cơ sở lập kế hoạch dự án đầu tư tham mưu cho giám đốc về biện pháp sử dụng vốn có hiệu quả, tiết kiệm.

- Lập báo cáo kết quả tài chính của doanh nghiệp là cơ sở lập kế hoạch dự án đầu tư tham mưu cho giám đốc về biện pháp sử dụng vốn có hiệu quả, tiết kiệm.

- Lập báo cáo kết quả hoạt động tài chính của Công ty trình ban giám đốc phê duyệt và công khai hóa các số liệu khi được ban giám đốc ủy quyền.

- **Bộ phận kỹ thuật triển khai :**

Bộ phận kỹ thuật triển khai có chức năng nhiệm vụ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh bán hàng, kinh doanh dự án. Có trách nhiệm trực tiếp thi công các dự án, hỗ trợ vận hành và hướng dẫn sử dụng cho khách hàng.

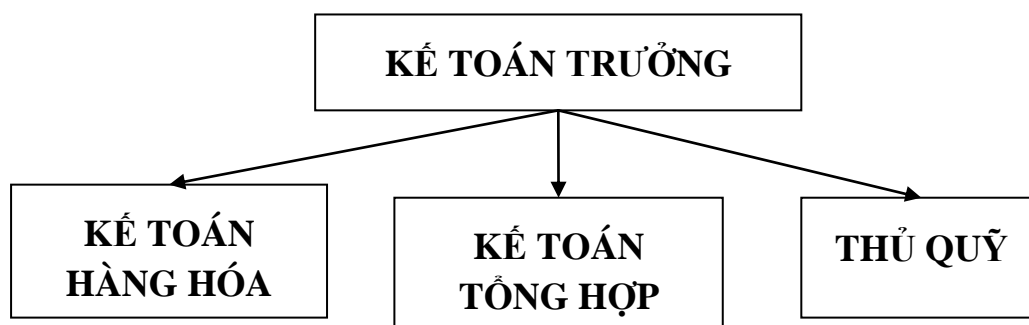
- **Bộ phận bảo hành và hỗ trợ khách hàng :**

Trực tiếp bảo hành, sửa chữa thiết bị, thực hiện đúng các cam kết của Công ty đối với khách hàng.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Tấn Phát – AA

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Bộ máy kế toán của Công ty là tập hợp những cán bộ công nhân viên kế toán cùng những trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật tính toán để thực hiện toàn bộ công tác kế toán của Công ty. Công ty TNHH Tấn Phát – AA tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Phòng kế toán Công ty có chức năng tham mưu cho Ban giám đốc tổ chức triển khai toàn bộ công tác tài chính, thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, đồng thời kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động kinh tế tài chính của công ty theo đúng pháp luật. Phòng kế toán của công ty bao gồm 4 người gồm kế toán trưởng, kế toán hàng hóa, kế toán tổng hợp và thủ quỹ.



Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH Tấn Phát – AA

- **Kế toán trưởng**

Tổ chức và phân công nhiệm vụ cho từng nhân viên kế toán trực tiếp kiểm tra nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ và báo cáo trước khi trình Giám đốc. Cung cấp thông tin kịp thời phục vụ cho việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh

doanh, không ngừng củng cố và hoàn thiện chế độ hoạch toán kế toán trong đơn vị, kiểm tra kiểm soát việc chấp hành quy chế tài chính và luật pháp.

- **Thủ quỹ**

Quản lý tiền mặt của công ty, thu và chi tiền mặt khi có lệnh. Hàng tháng phải kiểm kê số tiền thu hiện thu và chi đối chiếu với sổ sách các bộ phận có liên quan.

- **Kế toán hàng hóa :**

Theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn của hàng hóa trong toàn công ty.

- **Kế toán tổng hợp :**

Theo dõi tình hình tăng giảm và sử dụng tài sản cố định, theo dõi các khoản mục tạm ứng, công nợ... ghi chép các sổ sách, tập hợp chứng từ, lập báo cáo tổng hợp, giúp kế toán trưởng thực hiện các công việc tính giá thành sản phẩm, báo cáo lãi lỗ, bảng kê khai và các báo cáo tài chính đầy đủ, đúng hạn theo quy định.

2.1.3.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng để hạch toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).
- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
- Phương pháp nộp thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp kế toán TSCĐ:

Phương pháp khấu hao áp dụng: phương pháp khấu hao đường thẳng.

2.1.3.3 Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát - AA tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.3.4 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán

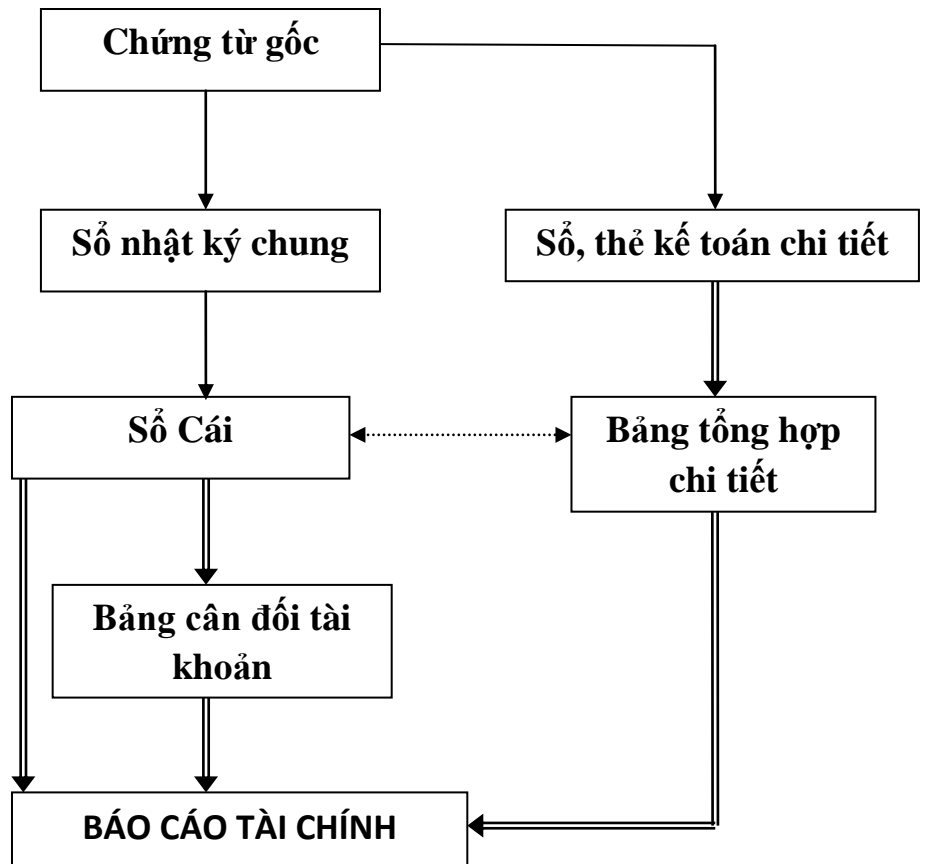
Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm :

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái các tài khoản.
- Các sổ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn

Tân Phát – AA

**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ đó vào sổ Nhật ký chung. Căn cứ số liệu ghi trên Nhật ký chung, kế toán phản ánh các số liệu đó vào sổ cái tài khoản liên quan.

- Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào sổ chi tiết các tài khoản.

- Cuối tháng tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết làm căn cứ lập sổ tổng hợp chi tiết.

- Cùng với đó, tại thời điểm cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

- Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết.

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung là : tổng hợp phát sinh nợ và tổng hợp phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.1.3.5 Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính tại Công ty

Hệ thống báo cáo tài chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA bao gồm :

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B03 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – DN)

2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA là công ty thương mại cung cấp các sản phẩm dịch vụ nên công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm. Không chỉ là mục tiêu lợi nhuận mà quan trọng là chất lượng và khả năng cung cấp dịch vụ, đáp ứng nhu cầu kinh tế của doanh nghiệp. Hơn nữa, quá trình này phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, là cơ sở để xác định nguồn tài chính cho những chiến lược mang tính tài chính của Công ty.

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA

2.2.1.1 Nội dung doanh thu bán hàng tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA

Doanh thu chủ yếu của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA là doanh thu bán các loại hàng hóa như các thiết bị văn phòng máy photo, máy in, máy Fax, máy điều hòa các loại ...và các đồ dùng thiết bị phục vụ văn phòng... cho doanh nghiệp, cá nhân và chủ yếu là cho cơ quan trong nhà nước trên địa bàn tỉnh Hải Dương và Hưng Yên.

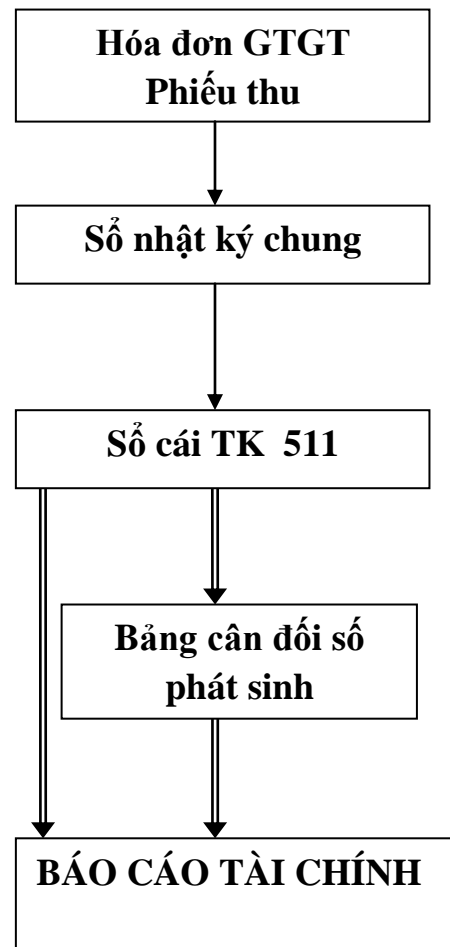
2.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT;
- Hợp đồng kinh tế;

- Phiếu thu;
- Giấy báo có của Ngân hàng;
- Các chứng từ khác có liên quan.
- ❖ **Tài khoản sử dụng**
 - TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - TK 131 – Phải thu khách hàng
 - TK 111 – Tiền gửi ngân hàng
 - TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước.

2.2.1.3 Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ⇨

Sơ đồ 2.4 : Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng của Công ty TNHH Tấn Phát – AA

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung và đồng thời ghi vào sổ chi tiết các tài khoản và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái các tài khoản.

Cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên các sổ cái của các TK 511, 131, 3331, để lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

2.2.1.4 Ví dụ minh họa :

Ví dụ 2.1 : Ngày 30/12/2013 Công ty bán máy Photocopy Toshiba e- studio 350 với đơn giá 14.500.000 VNĐ cho UBND Huyện Gia Lộc. Thuế suất thuế GTGT là 10%, giá vốn của lô hàng là 12.558.333VNĐ. Khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 846 (Biểu số 2.1) và các chứng từ khác có liên quan kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau :

Định khoản:	Nợ TK 632:	12.558.333
	Có TK 156:	12.558.333
	Nợ TK 131:	15.950.000
	Có TK 3331:	1.450.000
	Có TK 511:	14.500.000

Từ bút toán trên kế toán phản ánh doanh thu bán hàng vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.2) và từ sổ Nhật ký chung phản ánh vào sổ cái TK 511 (Biểu số 2.3) sổ cái TK 131 và sổ cái TK 333.

Cuối kỳ lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 30/12/2013

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/13P

Số: 0000846

Đơn vị bán hàng : Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát - AA

Địa chỉ: Số 39 Đường Lê Thánh Tông – P.Lê Thanh Nghị – TP. Hải Dương

Số tài khoản :

Điện thoại 03203.897.838

Fax:

MST: 0800752922

Họ tên người mua hàng : Nguyễn Sinh Hồng

Đơn vị: UBND Huyện Gia Lộc Tỉnh Hải Dương

Địa chỉ: Số 123 Đường Khúc Thừa Dụ Thị Trấn Gia Lộc Tỉnh Hải Dương

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:

MST:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy Photocopy Toshiba e- studio 350	Chiếc	1	14.500.000	14.500.000
Cộng tiền hàng					14.500.000
Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT					1.450.000
Tổng cộng tiền thanh toán					15.950.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười năm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn .					

Người mua hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2 : Trích Sổ Nhật ký chung

Đơn vị : Công ty TNHH Tấn Phát – AA

Địa chỉ : Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh

Nghị- Tp.Hải Dương

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính : VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số phát sinh			
...
15/11	PC641	15/11	Chi tiền điện thoại BPQL - T10	6422 133 111	603.310 60.331	663.641
..
30/11	PXK960 HĐ0000719 PT511	30/11	Bán 50 con chuột Mitshumi cho Anh Đại thu tiền mặt	632 156 111 511 3331	1.250.000 2.475.000	1.250.000 2.250.000 225.000
...
17/12	PXK971 HĐ0000836 PT561	17/12	Bán máy in Xerox 3200 cho Anh Cường thu tiền mặt	632 156 111 511 3331	4.040.000 5.388.900	4.040.000 4.899.000 489.900
..
30/12	PXK981 HĐ0000846	30/12	Bán máy Photocopy cho UBND Huyện Gia Lộc chưa thu tiền	632 156 131 511 3331	12.558.333 15.950.000	12.558.333 14.500.000 1.450.000
...
			Cộng phát sinh cả năm		26.603.030.088	26.603.030.088

Sổ ngày có trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: 01/01/2013

Người ghi sổ

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.3 : Trích sổ cái TK 511

Đơn vị : Công ty TNHH Tấn Phát – AA
Địa chỉ : Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh
 Nghị- Tp.Hải Dương

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính : VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1
			Số phát sinh trong Quý 4			
...
2/12	HĐ 0000771	2/12	Bán con chuột Mishumi cho Chị Hồng thu tiền mặt	111		1.450.000
...
17/12	HĐ 0000836	17/12	Bán máy in Xerox 3200 cho Anh Cường thu tiền mặt	111		4.899.000
...
30/12	HĐ 0000846	30/12	Bán hàng chưa thu tiền Bán máy Photocopy cho UBND Huyện Gia Lộc chưa thu tiền	131		14.500.000
31/12	PKT 41	31/12	Kết chuyển doanh thu quý 4	911	745.972.702	
			Cộng phát sinh Q4		745.972.702	745.972.702
			Cộng phát sinh lũy kế cả năm		2.975.890.805	2.975.890.805

Sổ ngày có trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
 (ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA**2.2.2.1 Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Tấn Phát – AA**

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của sản phẩm hàng hóa mà công ty bán cho khách hàng như máy photo, máy in, máy fax, các thiết bị văn phòng phục vụ cho việc bảo dưỡng sửa chữa.... Trong điều kiện doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá vốn hàng bán là một chi phí được ghi nhận đồng thời với doanh thu theo nguyên tắc phù hợp. Trị giá vốn hàng bán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn :

$$\frac{\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i}{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

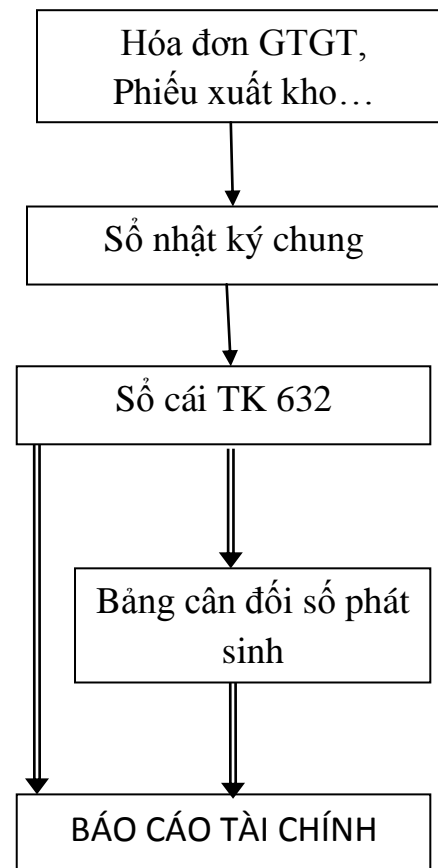
2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng**❖ Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu xuất kho;
- Phiếu kế toán ;
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 632 – Giá vốn hàng bán;
- TK 156 – Hàng hóa.

2.2.2.3 Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán của Công ty TNHH Tấn Phát – AA

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái các TK 156, 632...
- Cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ cái các TK 632, 156...lập Bảng cân đối số phát sinh.
- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

2.2.2.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.2 : (Minh họa tiếp ví dụ 2.1)

Tính đơn giá xuất kho máy Photocopy Toshiba e- studio 350 theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn

- Số dư đầu kỳ (1/12) = 10 cái máy, đơn giá : 12.520.000/cái.

Trị giá tồn đầu kỳ = 10 x 12.520.000 = 125.200.000

- Ngày 5/12 nhập kho 2 cái máy, đơn giá 12.250.000/ cái.

Trị giá nhập kho ngày 5/12 = 2 x 12.750.000 = 25.500.000

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân liên hoàn} \\ \text{ngày 30/12} &= \frac{10 \times 12.520.000 + 2 \times 12.750.000}{10 + 2} \\ &= 12.558.333/ \text{ cái} \end{aligned}$$

- Ngày 30/12 xuất kho 1 cái máy

Trị giá xuất kho ngày 30/12 = 12.558.333 x 1 = 12.558.333

Để phản ánh giá vốn của nghiệp vụ này kế toán lập phiếu xuất kho số 981 (Biểu số 2.4)

Cuối tháng, căn cứ vào phiếu xuất kho số 981 (Biểu số 2.4) kế toán phản ánh vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.5) và sổ cái TK 632 (Biểu số 2.6)

Từ Sổ cái các tài khoản cuối kỳ kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.4 : Phiếu xuất kho số 981

Đơn vị : Công ty TNHH Tấn Phát – AA

Mẫu số 02 – VT

Địa chỉ: Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Nghị- TP.Hải Dương

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 30 tháng 12 năm 2013

Số : 0981

Nợ 632: 12.558.333

Có 156 : 12.558.333

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Sinh Hồng

Địa chỉ : UBND Huyện Gia Lộc Tỉnh Hải Dương

Lý do xuất kho: Bán hàng

Xuất tại kho : Kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	D	E	F	1	2	4
1	Máy Photocopy Toshiba e-studio 350		Chiếc	1	12.558.333	12.558.333
	Cộng					12.558.333

Số tiền bằng chữ : Mười hai triệu năm trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám Đốc**
 (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)

Biểu số 2.5 : Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị : Công ty TNHH Tấn Phát – AA
Địa chỉ : Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh
 Nghị- Tp.Hải Dương

Mẫu số S03a - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính : VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số phát sinh			
...
15/11	PC641	15/11	Chi tiền điện thoại BPQL - T10	6422 133 111	603.310 60.331	663.641
..
30/11	PXK960 HĐ0000719 PT511	30/11	Bán 50 con chuột Mitsumi cho Anh Đại thu tiền mặt	632 156 111 511 3331	1.250.000 2.475.000	1.250.000 2.250.000 225.000
...
17/12	PXK971 HĐ0000836 PT561	17/12	Bán máy in Xerox 3200 cho Anh Cường thu tiền mặt	632 156 111 511 3331	4.040.000 5.388.900	4.040.000 4.899.000 489.900
..
30/12	PXK981 HĐ0000846	30/12	Bán máy Photocopy cho UBND Huyện Gia Lộc chưa thu tiền	632 156 131 511 3331	12.558.333 15.950.000	12.558.333 14.500.000 1.450.000
...
			Cộng phát sinh cả năm		26.603.030.088	26.603.030.088

Sổ ngày có trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: 01/01/2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Sinh viên : Phạm Xuân Hưng

44

Lớp : QTL603K

Biểu số 2.6 : Trích sổ cái TK 632

Đơn vị : Công ty TNHH Tấn Phát – AA
Địa chỉ : Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh
 Nghị- Tp.Hải Dương

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính : VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1
			Số phát sinh Quý 4			
...
2/10	PXK 810	2/10	Bán chuột Mitshumi cho chị Hoài thu tiền mặt	156	1.200.000	
...
30/11	PXK 960	30/11	Bán 50 con chuột Mitshumi cho Anh Đại thu tiền mặt	156	1.250.000	
..
17/12	PXK 971	17/12	Bán máy in Xerox 3200 cho Anh Cường thu tiền mặt	156	4.040.000	
...
30/12	PXK 981	30/12	Bán máy Photocopy cho UBND Huyện Gia Lộc chưa thu tiền	156	12.558.333	
31/12	PKT42	31/12	Kết chuyển giá vốn quý 4	911		526.484.476
			Cộng phát sinh Quý 4		526.484.476	526.484.476
			Cộng phát sinh lũy kế cả năm		2.115.937.903	2.115.937.903

Sổ ngày có trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**2.2.3.1 Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Tấn Phát – AA**

Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh tại Công ty bao gồm các khoản : Tiền lương trả cho Giám đốc, lương cho nhân viên bộ phận bán hàng, các khoản trích theo lương, các khoản thuế, lệ phí, tiền bảo hiểm, chi phí dịch vụ mua ngoài như tiền điện thoại cho bộ phận bán hàng,...

2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng**❖ Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi;
- Hóa đơn GTGT;
- Bảng phân bổ tiền lương;
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ;
- Giấy báo nợ của Ngân hàng;
- Các chứng từ khác có liên quan.

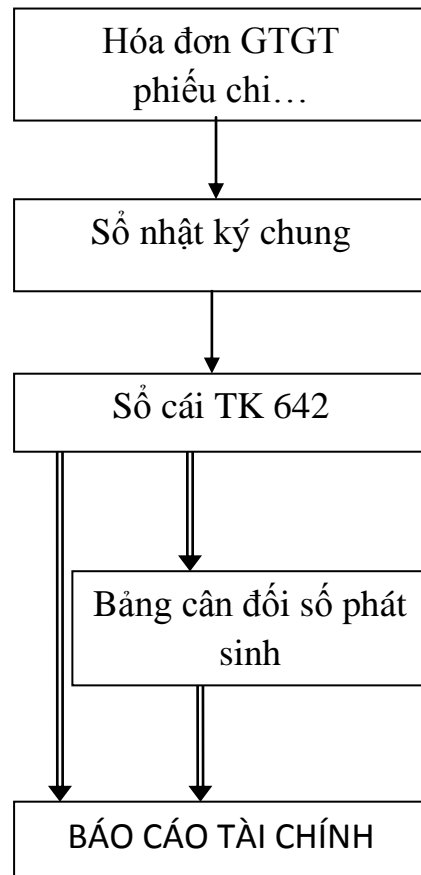
❖ Tài khoản sử dụng

- TK642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Được chi tiết cho tài khoản cấp 2:

- + TK 6421 : Chi phí bán hàng
- + TK 6422 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.3 Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Sơ đồ 2.6 : Trình tự luân chuyển chứng từ của Công ty TNHH Tấn Phát – AA

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT, Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, ... kế toán tiến hành viết phiếu chi, tùy vào nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán cũng có thể viết phiếu kế toán. Từ các dữ liệu trên, kế toán vào sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung để kế toán vào Sổ cái TK 642

- Cuối quý, cộng số phát sinh trên sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh Lập Báo cáo tài chính.

2.2.3.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.3 : Ngày 8/12/2013 thanh toán tiền điện thoại bộ phận bán hàng tháng 11, tổng số tiền thanh toán 1.168.340 (thuế GTGT 10%)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0060845 (Biểu số 2.7), phiếu chi (Biểu số 2.8) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh vào sổ sách theo định khoản

Nợ TK 642 : 1.062.127

Nợ TK 133 : 106.213

Có TK 111 : 1.168.340

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.9) sau đó phản ánh vào sổ cái TK 642 (Biểu số 2.10), TK111, TK 333

Cuối kỳ, từ sổ cái TK được sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh rồi từ đó lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.7 : Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)

TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)

Liên 2 : Giao cho người mua (Customer copy)

Mẫu số: 01GTKT2/001VT01

Ký hiệu : AA/13P

Số : 0060845

Mã số thuế : 0800011427

Viễn thông Hải Dương.

Địa chỉ : Số 1 Đại Lộ Hồ Chí Minh, TP. Hải Dương Tỉnh Hải (Số máy báo hỏng : (03203) 119. Nghe thông tin cước : (03203)800126)

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty TNHH Tấn Phát - AA.

Địa chỉ : Số 39 Đường Lê Thánh Tông – Phường Lê Thanh Nghị - TP. Hải Dương – Tỉnh Hải Dương

Số điện thoại: 03203.897.838

Mã số :

Hình thức thanh toán: TM

MST : 0800752922

STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4X5
	Ký cước tháng: 11/2013				
	a.Cước dịch vụ viễn thông				1.062.127
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c.Chiết khấu + đa dịch vụ				0
	d.Khuyến mại				0
	e.Trừ đặt cọc + Trích thưởng + Nợ cũ				0
	(a+b-c-d) Cộng tiền hàng (1)				1.062.127
	Thuế suất GTGT 10%				106.213
	Cộng tiền thanh toán				1.168.340

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm, bốn mươi đồng.

Ngày 8 tháng 12 năm 2013

Người nộp tiền
(đã ký)

Nhân viên giao dịch ký
(đã ký)

Sinh viên : Phạm Xuân Hưng

49

Lớp : QTL603K

Biểu số 2.8 : Phiếu chi số 663

Đơn vị : Công ty TNHH Tấn Phát – AA
Địa chỉ : Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh
Nghị- Tp.Hải Dương

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số : 663

Ngày 8 tháng 12 năm 2013

Nợ TK 642: 1.062.127

Nợ TK 133: 106.213

Có TK 111 : 1.168.340

Họ tên người nhận tiền : **Nguyễn Thị Tâm**

Địa chỉ : **Phòng KT-TC**

Lý do chi : **Nộp tiền điện thoại**

Số tiền : **1.168.340.**

Số tiền viết bằng chữ : **Một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi đồng.**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 8 tháng 12 năm 2013

Giám đốc <i>(ký, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(ký, họ tên)</i>	Người nhận tiền <i>(ký, họ tên)</i>
--	--	---------------------------------------	---	---

Biểu số 2.9 : Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị : Công ty TNHH Tấn Phát – AA

Địa chỉ : Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh

Nghị- Tp.Hải Dương

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính : VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số phát sinh			
...
30/11	PXK960 HĐ719 PT511	30/11	Bán 50 con chuột Mitsumi cho Anh Đại thu tiền mặt	632 156 111 511 3331	1.250.000 2.475.000	1.250.000 2.250.000 225.000
...
8/12	PC 663	8/12	Thanh toán tiền điện thoại BPBH T11	6421 133 111	1.062.127 106.213	1.168.340
..
17/12	PXK971 HĐ836 PT561	17/12	Bán máy in Xerox 3200 cho Anh Cường thu tiền mặt	632 156 111 511 3331	4.040.000 5.388.900	4.040.000 4.899.000 489.900
..
30/12	PXK981 HĐ 846	30/12	Bán máy Photocopy cho UBND Huyện Gia Lộc chưa thu tiền	632 156 131 511 3331	12.558.333 15.950.000	12.558.333 14.500.000 1.450.000
...
			Cộng phát sinh cả năm		26.603.030.088	26.603.030.088

Số ngày có trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: 01/01/2013

Người ghi sổ

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.10 : Trích sổ Sổ cái TK 642

Đơn vị : Công ty TNHH Tấn Phát – AA

Địa chỉ: Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh

Nghị- Tp.Hải Dương

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính : VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1
			Số phát sinh trong Quý 4			
...
7/12	PC662	7/12	Thanh toán tiền Internet T11	111	270.000	
8/12	PC663	8/12	Thanh toán tiền điện thoại T11	111	1.062.127	
...
31/12	BLT12	31/12	Tiền lương T12 của nhân viên		46.538.889	
31/12	BPBL T12	31/12	Trích BHXH, BHYT, BHTN		1.520.000	
31/12	PKT 44	31/12	Kết chuyển Chi phí quản lý kinh doanh Quý 4			230.567.990
			Cộng phát sinh Quý 4		230.567.990	230.567.990
			Cộng phát sinh lũy kế cả năm		876.379.792	876.379.792

Số ngày có trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ....

Người ghi sổ

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA**2.2.4.1 Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát - AA**

Hoạt động của Công ty chủ yếu chú trọng vào việc cung cấp thiết bị văn phòng cho các cơ quan trong nhà nước, doanh nghiệp và các cá nhân nên công ty không tham gia các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh... Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ khoản tiền gửi Ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả lãi cho các khoản nợ vay.

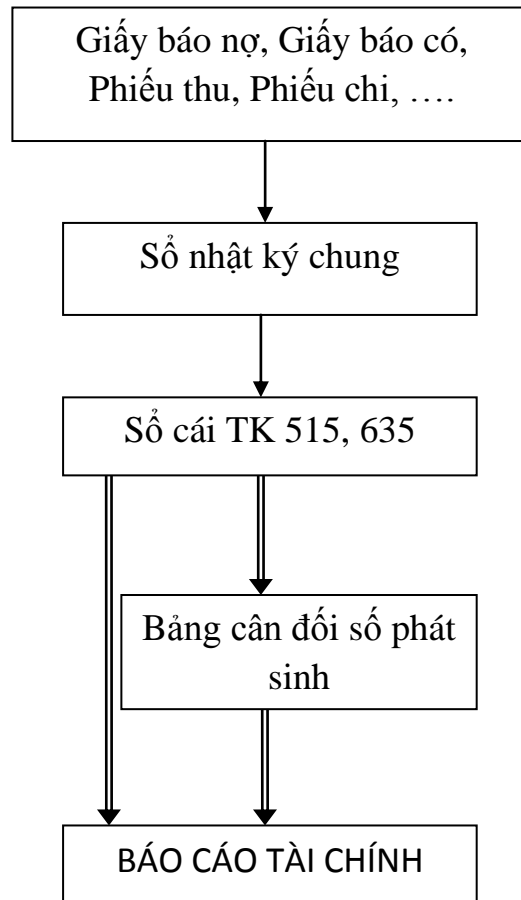
2.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng**❖ Chứng từ kế toán sử dụng**

- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho Công ty;
- Các chứng từ có liên quan khác.

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 - Chi phí tài chính

2.2.4.3 Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

**Sơ đồ 2.7 : Trình tự luân chuyển chứng từ của Công ty TNHH
Tân Phát – AA**

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như GBN, GBC của ngân hàng, phiếu thu, phiếu chi, Bảng kê tính lãi vay, chi phí lãi vay ... kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 515, TK 635

- Cuối quý, cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh. Từ đó lập báo cáo tài chính.

2.2.4.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.4 : Ngày 31/12/2013 phát sinh nghiệp vụ trả lãi vay cho Ông Nguyễn Văn An số tiền 1.468.009VNĐ.

Căn cứ vào phiếu chi (biểu số 2.11) và các chứng từ kế toán khác có liên quan kế toán định khoản nghiệp vụ.

Nợ TK 635 : 1.468.009

Có TK 111 : 1.468.009

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.13) sau đó phản ánh vào Sổ cái TK 635 (biểu số 2.14). Cuối kỳ lập Bảng cân đối số phát sinh từ đó lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.5 : Ngày 31/12 Ngân hàng Cổ phần Công Thương Hải Dương thông báo lãi nhập vốn là 103.781 VNĐ.

Căn cứ vào giấy báo có (biểu số 2.12) và các chứng từ kế toán có liên quan khác kế toán định khoản nghiệp vụ :

Nợ TK 112 : 103.781

Có TK 515 : 103.781

Từ bút toán trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.13) sau đó phản ánh vào Sổ cái TK 515 (biểu số 2.15) và kế toán căn cứ vào Giấy báo có ghi vào sổ theo dõi tiền gửi Ngân hàng tại Ngân hàng Cổ phần Công Thương Hải Dương.

Cuối kỳ, từ Sổ cái kế toán Lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.11 : Phiếu chi số 694

Đơn vị : Công ty TNHH Tấn Phát – AA
Địa chỉ : Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh
Nghị- Tp.Hải Dương

Mẫu số 02-TT

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU CHI

Số : 694

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nợ TK 635: 1.468.009

Có TK 111: 1.468.009

Họ tên người nhận tiền : **Nguyễn Văn An**
Địa chỉ : **Số 40 An Ninh – Phường Hải Tân – TP.Hải Dương**
Lý do chi : **Thanh toán tiền lãi vay tháng 12**
Số tiền : **1.468.009**
Số tiền viết bằng chữ : **Một triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn không trăm
linh chín đồng.**

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Giám đốc <i>(ký, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(ký, họ tên)</i>	Người nhận tiền <i>(ký, họ tên)</i>
--	--	---------------------------------------	---	---

Biểu số 2.12 : Giấy báo có

NGÂN HÀNG CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG

CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Kính gửi: Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tấn Phát - AA

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi có vào tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có: 711A56027194

Số tiền bằng số : 103.781

Số tiền bằng chữ: Một trăm linh ba nghìn bảy trăm tám mươi một đồng.

Nội dung: Lãi nhập vốn tháng 12

GIAO DỊCH VIÊN

(Ký, họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13 : Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị : Công ty TNHH Tấn Phát – AA

Địa chỉ: Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh

Nghị- Tp.Hải Dương

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính : VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số phát sinh			
...
8/12	PC 663	8/12	Thanh toán tiền điện thoại T11	6422 133 111	1.062.127 106.213	1.168.340
..
17/12	PXK00971 HĐ00836 PT00561	17/12	Bán máy in Xerox 3200 cho Anh Cường thu tiền mặt	632 156 111 511 3331	4.040.000 5.388.900	4.040.000 4.899.000 489.900
..
30/12	PXK00981 HĐ 00846	30/12	Bán máy Photocopy cho UBND Huyện Gia Lộc chưa thu tiền	632 1561 131 511 3331	12.558.333 15.950.000	12.558.333 14.500.000 1.450.000
31/12	PC694	31/12	Chi trả lãi vay tháng 12 cho Ông Hoàng	635 111	1.468.009	1.468.009
31/12	GBC 31/12	31/12	Lãi nhập vốn tháng 12	112 515	103.781	103.781
...
			Cộng phát sinh cả năm		26.603.030.088	26.603.030.088

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.14: Trích Sổ cái Tk 635

Đơn vị : Công ty TNHH Tấn Phát – AA
Địa chỉ: Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh
 Nghi- Tp.Hải Dương

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính : VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số phát sinh trong Quý 4			
31/10	PC541	31/10	Chi trả lãi vay tháng 10 cho Ông Hoàng	111	1.098.056	
...	
30/11	PC622	30/11	Chi trả lãi vay tháng 11 cho Bà Mai	111	968.056	
...	
31/12	PC694	31/12	Chi trả lãi vay tháng 12 cho Ông Hoàng	111	1.468.009	
31/12	PKT 43	31/12	Kết chuyển CPTC Quý 4	911		6.304.168
			Cộng phát sinh Quý 4		6.304.168	6.304.168
			Cộng phát sinh lũy kế cả năm		21.990.693	21.990.693

Sổ ngày có trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.15: Trích Sổ cái TK 515

Đơn vị : Công ty TNHH Tấn Phát – AA
Địa chỉ: Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh
 Nghi- Tp.Hải Dương

Mẫu số S03b-DNN
*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính : VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số phát sinh trong Quý 4			
31/10	GBC 31/10	31/10	Lãi nhập vốn tháng 10	112		94.415
30/11	GBC 30/11	30/11	Lãi nhập vốn tháng 11	112		109.930
31/12	GBC 31/12	31/12	Lãi nhập vốn tháng 12	112		103.781
31/12	PKT 040	31/12	Kết chuyển DT HĐTC Quý 4	911	308.126	
			Cộng phát sinh Quý 4		308.126	308.126
			Cộng phát sinh lũy kế cả năm		1.232.504	1.232.504

Sổ ngày có trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong năm 2013 Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA không phát sinh các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA**2.2.6.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng****❖ Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh;

- Các TK khác có liên quan.

2.2.6.2 Quy trình hạch toán

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ Sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập Phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ vào các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán vào Sổ Nhật ký chung rồi vào Sổ cái TK 911, 421,...

Kế toán tổng hợp số liệu kết quả kinh doanh để lập Bảng cân đối số phát sinh và từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.6.3 Ví dụ minh họa**Ví dụ 2.6 : Xác định kết quả kinh doanh Quý 4**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :	745.972.702
- Doanh thu tài chính :	308.126
- Giá vốn hàng bán :	526.484.476
- Chi phí quản lý kinh doanh :	230.567.990
- Chi phí tài chính :	6.304.168

$$\text{Kết quả kinh doanh} = (745.972.702 + 308.126) - 526.484.476 - (230.567.990 + 6.304.168) = (17.075.806)$$

⇒ Trong quý 4 doanh nghiệp kinh doanh lỗ: 17.075.806

Sau khi kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí kế toán xác định doanh nghiệp kinh doanh lỗ trong quý 4. Kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 040, 041, 042, 043, 044, 045 (biểu số 2.16, 2.17, 2.18, 2.19, 2.20, 2.21).

Từ các phiếu kế toán ghi Sổ Nhật ký chung (biểu số 2.22) sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK 911 (biểu số 2.23) Sổ cái TK 421 (biểu số 2.24)

Cuối kỳ, từ các Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh rồi lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (biểu số 2.25) và Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.16: Phiếu kế toán**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số : 40

Ngày 31/12/2013

Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển doanh thu HĐTC quý 4	515	911	308.126

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu**Biểu số 2.17:** Phiếu kế toán**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số : 41

Ngày 31/12/2013

Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển doanh thu bán hàng quý 4	511	911	745.972.702

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

Biểu số 2.18: Phiếu kê toán**PHIẾU KÊ TOÁN**

Số : 42

Ngày 31/12/2013

Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển giá vốn quý 4	911	632	526.484.476

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu**Biểu số 2.19:** Phiếu kê toán**PHIẾU KÊ TOÁN**

Số : 43

Ngày 31/12/2013

Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí tài chính quý 4	911	635	6.304.168

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

Biểu số 2.20: Phiếu kế toán**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số : 44

Ngày 31/12/2013

Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh quý 4	911	642	230.567.990

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu**Biểu số 2.21 :** Phiếu kế toán**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số : 45

Ngày 31/12/2013

Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển lỗ quý 4	421	911	17.075.806

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

Biểu số 2.22 : Trích Sổ Nhật ký chung

Đơn vị : Công ty TNHH Tấn Phát – AA

Địa chỉ: Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh

Nghị- Tp.Hải Dương

Mẫu số S03a - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính : VND

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Số phát sinh Quý 4			
...
31/12	PKT40	31/12	Kết chuyển DT HĐTC Quý 4	515 911	308.126	308.126
31/12	PKT41	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần Quý 4	511 911	743.972.702	743.972.702
31/12	PKT42	31/12	Kết chuyển giá vốn Quý 4	911 632	526.484.476	526.484.476
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính Quý 4	911 635	6.304.168	6.304.168
31/12	PKT44	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh Quý 4	911 642	230.567.990	230.567.990
31/12	PKT45	31/12	Kết chuyển lỗ Quý 4	421 911	17.075.806	17.075.806
...
			Cộng phát sinh cả năm		26.603.030.088	26.603.030.088

Sổ ngày có trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: 01/01/2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Sinh viên : Phạm Xuân Hưng

65

Lớp : QTL603K

Biểu số 2.23 : Trích Sổ cái TK 911

Đơn vị : Công ty TNHH Tấn Phát – AA
Địa chỉ : Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh
 Nghi- Tp.Hải Dương

Mẫu số S03b - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính : VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ Ư	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Dư đầu đầu Quý 4			
			Số phát sinh trong Quý 4			
...
31/12	PKT40	31/12	Kết chuyển DT HĐTC Quý 4	515		308.126
31/12	PKT41	31/12	Kết chuyển doanh thu Quý 4	511		745.972.702
31/12	PKT42	31/12	Kết chuyển giá vốn Quý 4	632	526.484.476	
31/12	PKT43	31/12	Kết chuyển CPTC Quý 4	635	6.304.168	
31/12	PKT44	31/12	Kết chuyển chi phí QLDK Quý 4	642	230.567.990	
31/12	PKT45	31/12	Kết chuyển lỗ Quý 4	421		17.075.806
			Cộng phát sinh Quý 4		763.356.634	763.356.634
			Cộng phát sinh lũy kế cả năm		2.977.206.909	2.977.206.909

Số ngày có trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.24 : Trích Sổ cái TK 911

Đơn vị : Công ty TNHH Tấn Phát – AA

Địa chỉ: Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh
Nghị- Tp.Hải Dương

Mẫu số S03b - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Năm 2013

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính : VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu Quý 4		<u>20.109.273</u>	
			Số phát sinh trong Quý 4			
31/12	PKT11	31/12	Kết chuyển lỗ	911	17.075.806	
			Cộng phát sinh trong Quý 4		17.075.806	
			Cộng phát sinh lũy kể cả năm		<u>37.185.079</u>	

Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.25: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH Tấn Phát – AA
Địa chỉ: Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh
 Nghi- Tp.Hải Dương

Mẫu số B02 - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	IV.08	2.975.890.805	1.157.157.947
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.975.890.805	1.157.157.947
4. Giá vốn hàng bán	11		2.115.937.903	715.059.229
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		819.952.902	442.098.718
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.232.504	1.360.369
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		21.990.693	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		21.990.693	-
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		876.379.792	409.395.301
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 24}	30		(37.185.079)	34.063.786
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		-	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50 = 30 + 40)	50	IV.09	(37.185.079)	34.063.786
14. Chi phí thuế TNDN	51		-	8.515.947
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(37.185.079)	25.547839

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TẤN PHÁT – AA****3.1 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TẤN PHÁT – AA**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA là một doanh nghiệp trẻ luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và có chỗ đứng nhất định trên thị trường.

Khi mà nền kinh tế thị trường ngày càng đa dạng với nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại hình Công ty, nhiều phương thức kinh doanh, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt. Các doanh nghiệp không thích ứng kịp thời linh hoạt với tình hình thực tế sẽ có nguy cơ rơi vào tình trạng phá sản. Để phát huy được những thành quả đã đạt được, Công ty luôn đề ra những phương hướng, giải pháp thích hợp nhằm bắt kịp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Điều này có được là do Công ty đã biết nắm bắt và phân tích đúng đắn nhu cầu thực tế. Công ty luôn luôn đẩy mạnh việc tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng phạm vi hoạt động, cải thiện cơ sở vật chất, tạo môi trường làm việc tốt cho nhân viên.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA, được tiếp cận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ từ các nhân viên phòng kế toán của công ty em đã có điều kiện làm quen với thực tế và củng cố những kiến thức đã học tại trường. Qua đó, em xin đưa ra một số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA.

3.1.1 Ưu điểm**❖ Về bộ máy quản lý**

Công ty xây dựng một bộ máy quản lý đơn giản, gọn nhẹ không phân cấp nhiều lần mang lại sự hợp lý và chất lượng công việc cao.

❖ Về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty áp dụng theo mô hình tập trung có nhiều ưu điểm phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty, phản ánh đầy đủ nội dung

hạch toán, đáp ứng nhu cầu quản lý. Công ty xây dựng bộ máy kế toán tại văn phòng Công ty, trong đó kế toán trưởng là người đứng đầu giám sát và quản lý mọi việc. Việc xây dựng và tổ chức bộ máy kế toán như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hạch toán nhanh chóng, kịp thời của kế toán đối với các hoạt động phát sinh tại Công ty, tạo điều kiện cho đội ngũ kế toán nâng cao trình độ nghiệp vụ, hạn chế những khó khăn trong việc phân công công việc.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức có hệ thống, có kế hoạch, có sự phối hợp chặt chẽ, được chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới, công việc được thực hiện thường xuyên, liên tục, các báo cáo kế toán được lập nhanh chóng, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác, phục vụ cho công tác quản lý của Công ty.

❖ Về đội ngũ kế toán của Công ty

Công ty có đội ngũ kế toán năng động và nhiệt tình, luôn học hỏi kiến thức phục vụ cho công việc kế toán. Các kế toán viên có trình độ chuyên môn tốt, thích nghi nhanh với công việc. Trong quá trình làm việc, nhân viên phòng kế toán luôn mạnh dạn đề xuất ý kiến, đưa ra trao đổi các vấn đề liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh trong Công ty để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán của Công ty.

❖ Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán

Hệ thống tài khoản kế toán của doanh nghiệp đều theo hệ thống tài khoản kế toán của quyết định 48/2006/QĐ – BTC.

Công ty đã tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán theo đúng quy định của Bộ Tài Chính. Ngoài ra còn để tiện cho việc theo dõi hạch toán, công ty còn mở thêm các tài khoản cấp 2 để tiện cho việc theo dõi và hạch toán chi tiết.

❖ Về hệ thống sổ kế toán

Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản, gọn nhẹ dễ theo dõi.

❖ Về phương pháp hạch toán hàng tồn kho và phương pháp tính thuế GTGT

Công ty áp dụng phương pháp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế và hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên tạo điều kiện cho việc phản ánh sự biến động hàng ngày, việc tính thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và tính thuế GTGT phải nộp cũng đơn giản hơn.

❖ Về công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty. Vì nó liên quan trực tiếp đến việc xác định kết quả kinh doanh các khoản thu nhập thực tế và phân phải nộp vào Ngân sách Nhà nước, và nó cũng phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong hoạt động kinh doanh. Dựa trên đặc điểm của hàng hóa, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng, các nhà cung cấp.. Còn cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có những quyết sách chiến lược về hoạt động kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và nắm bắt thị trường kịp thời đúng đắn hiệu quả.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được việc tổ chức công tác kế toán tại Công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế gây khó khăn cho công tác kế toán tại Công ty như:

❖ Về hình thức kế toán

Bộ máy kế toán tại Công ty được phân công việc tương đối rõ ràng nhưng không tránh khỏi sự phân công không hợp lý, một nhân viên kế toán đôi khi phụ trách nhiều công việc dễ dẫn đến sai sót, nhầm lẫn trong quá trình làm việc. Số lượng nhân viên phòng kế toán của Công ty chỉ có 4 nhân viên quá ít để xử lý khối lượng công việc quá nhiều của Công ty, đây là chưa kể phải kiêm thêm nhiều việc khác.

Công ty có trang bị hệ thống máy vi tính, tuy nhiên lại chưa sử dụng phần mềm kế toán mà lại thực hiện thủ công trên Excel dẫn đến việc xảy ra nhiều sai sót, mất thời gian làm sổ sách kế toán.

❖ Về hệ thống sổ sách kế toán

Là doanh nghiệp thương mại các nghiệp vụ chủ yếu là bán hàng nhưng doanh nghiệp chỉ mở Sổ cái TK 511 để theo dõi doanh cho thu tất cả các mặt hàng mà không mở Sổ chi tiết bán hàng vì thế không có thông tin về doanh thu cho từng loại mặt hàng.

Công ty cũng không mở Sổ chi tiết giá vốn hàng bán vì thế cũng không có thông tin chi tiết về giá vốn của từng mặt hàng của Công ty.

Để theo dõi chi phí quản lý kinh doanh Công ty mở TK 642 (chi phí bán hàng TK 6421 và chi phí quản lý doanh nghiệp TK 6422) thế nhưng Công ty chưa mở Sổ chi tiết để theo dõi từng yếu tố chi phí.

❖ Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Hiện nay, có một số khách hàng nợ quá hạn nhưng Công ty vẫn chưa trích lập khoản dự phòng nợ khó đòi. Điều này có thể làm thất thoát tài sản của Công ty, dẫn đến công ty để lãng phí một lượng vốn tác động đến việc mở rộng thị trường tiêu thụ vì Công ty vẫn phải đi vay vốn.

3.2 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TẤN PHÁT – AA**3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA**

Trong nền kinh tế thị trường việc cạnh tranh gay gắt cũng như sự biến đổi liên tục của nền kinh tế dẫn đến kết quả tất yếu là các doanh nghiệp luôn phải có chính sách hoạt động hợp lý, thích hợp, xác định đúng mục tiêu và phương hướng phát triển. Có như vậy các doanh nghiệp mới có cơ hội tồn tại và phát triển. Muốn vậy các doanh nghiệp trước hết phải hoàn thiện và đổi mới công tác kế toán phù hợp với yêu cầu quản lý vì trong công cuộc đổi mới hiện nay, kế toán không chỉ là công cụ mà còn góp phần tham gia vào việc quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc thiết lập chứng từ, ghi chép, tính toán, tổng hợp, kiểm tra đối chiếu các nghiệp vụ phát sinh bằng những phương pháp khoa học Công ty có thể nắm được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ, sử dụng hợp lý và hiệu quả tài sản. Bên cạnh đó, việc lập Báo cáo tài chính cũng phục vụ, cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của Công ty như cơ quan thuế, ngân hàng, các nhà đầu tư và các tổ chức tín dụng, người lao động... từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.

Trong nền kinh tế thị trường, công tác kế toán có vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế của doanh nghiệp. Vì vậy, điều kiện hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tấn Phát – AA như sau :

- Thực hiện đúng chế độ kế toán Nhà nước ban hành, áp dụng các chuẩn mực kế toán, tiến hành tổ chức hạch toán theo đúng quy định.
- Tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học sao cho phù hợp với đặc điểm, tính chất ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

- Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh, hệ thống chứng từ tài khoản, sổ sách và phương pháp kế toán.

- Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán nắm vững cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế và cũng cần hiểu biết thêm về phần mềm kế toán để áp dụng tại doanh nghiệp. Các nhân viên kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

3.2.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA.

3.2.2.1 Hiện đại hóa công tác kế toán

- Hoàn thiện bộ máy kế toán trước hết phải nâng cao trình độ chuyên môn của nhân viên kế toán bằng việc : cho nhân viên đào tạo thêm nghiệp vụ kế toán học các khoa học sử dụng phần mềm kế toán để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc một cách chính xác nhất.

- Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán vào sử dụng để giảm bớt gánh nặng cho nhân viên phòng kế toán và mang lại hiệu quả cao trong công việc. Lựa chọn những phần mềm kế toán phù hợp cho doanh nghiệp. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như MISA, SMART, SIMBA... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty.

Công ty áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán thể hiện sự nhanh chóng thích ứng với nền công nghệ hiện đại. Công ty thực hiện tốt áp dụng phần mềm kế toán giúp cải thiện công việc của công ty, tiết kiệm được chi phí và thời gian hơn, nâng cao hiệu quả cho Công ty. Khi áp dụng phần mềm kế toán giúp cho bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo hoàn tốt công việc. Sau đây em xin giới thiệu 3 phần mềm khá phổ biến được nhiều doanh nghiệp sử dụng :

❖ Phần mềm kê toán MISASME.NET 2012

Ưu điểm:

- Giao diện thân thiện để sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đang dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên 01 CSDL độc lập.

- Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được đó là thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu. Tôi rất tâm đắc chức năng này của MISA

- Tính chính xác: số liệu tính toán trong Misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL; .NET;... hầu như giữa nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

Nhược điểm:

- Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.

- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.

- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà SX chú ý phát triển.

- Các báo cáo khi kết xuất ra excell sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.



Đơn giá 9.900.000VNĐ

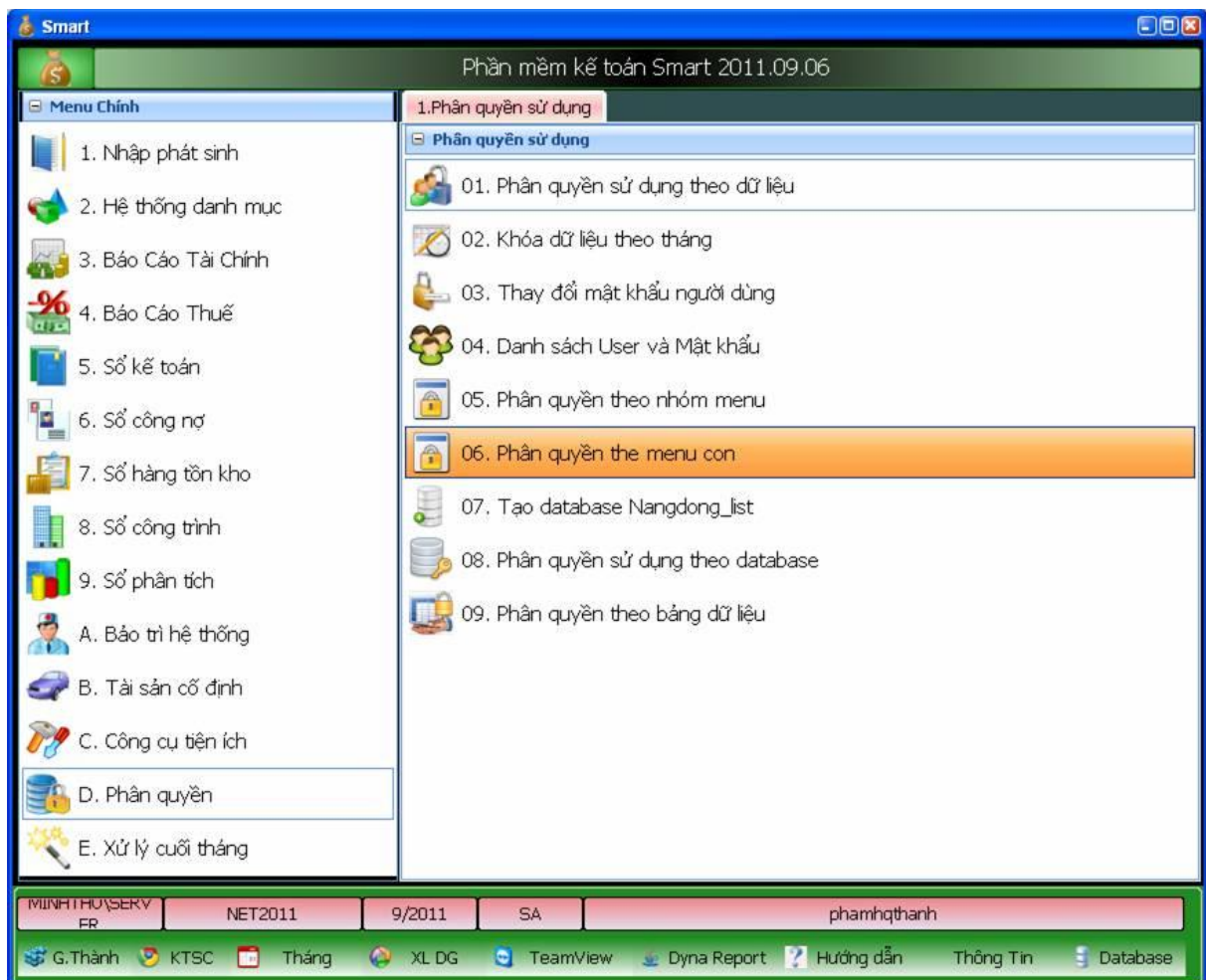
❖ Phần mềm kế toán SMART

Ưu điểm :

- Giao diện dễ sử dụng;
- Cài 1 máy làm được nhiều công ty, số lượng không giới hạn;
- Sao lưu dữ liệu tự động mà không sợ bị virus làm hư data;
- Tính ổn định cao, và có chức năng quản trị dữ liệu thông minh;
- Tốc độ xử lý nhanh;
- Công nghệ Devxpress report tự động cho phép điều chỉnh mẫu hóa đơn và một số mẫu báo cáo khác.

Nhược điểm :

- Tính bảo mật không cao.
- Dung lượng phần mềm lớn.
- Sổ sách chứng từ chưa bám sát chế độ kế toán hiện hành.



Đơn giá 8.000.000

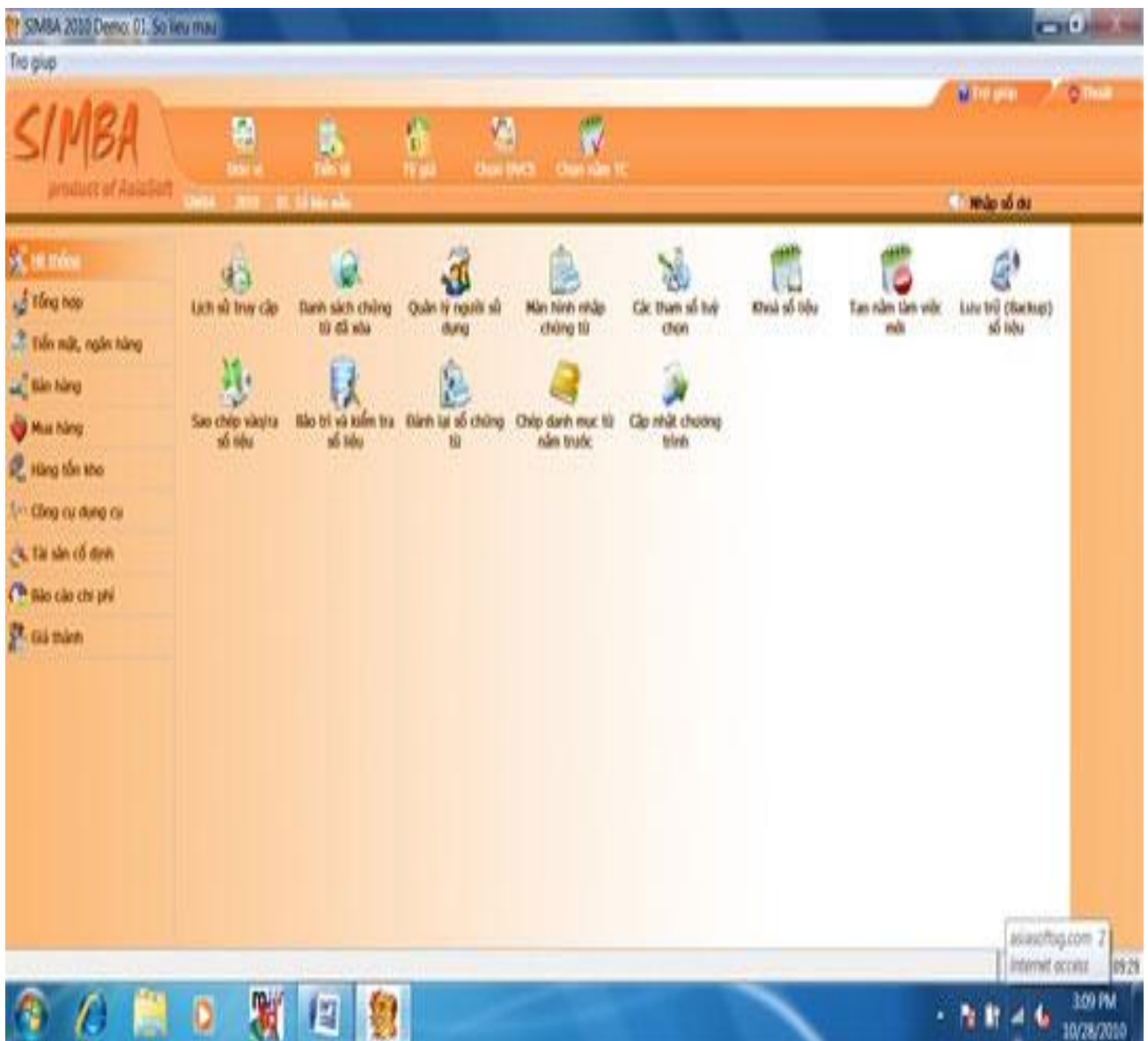
❖ Phần mềm kế toán SIMBA**Ưu điểm :**

- Giao diện ổn định dễ sử dụng
- Cài đặt dễ dàng mà không cần cấu hình máy cao.
- Hệ thống báo cáo phong phú và đa dạng, hỗ trợ kiểm tra số liệu bằng tính năng DRILL-DOWN.

- Kết xuất ra excel dễ dàng, cho phép lựa chọn bảng mã font khi kết xuất ra khỏi excel.

Nhược điểm :

- Mới chỉ tập trung vào một phiên bản.
- Tính bảo mật không cao, thường xảy ra lỗi.



Đơn giá :9.000.000 VNĐ

Theo em công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA vì phần mềm này khá phổ biến dễ sử dụng, giá hợp lý.

3.2.2.2 Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA

Là 1 doanh nghiệp thương mại các nghiệp vụ bán hàng là chủ yếu nhưng hiện nay doanh nghiệp chỉ mở Sổ cái TK 511 để theo dõi doanh thu tất cả các mặt hàng mà không mở sổ chi tiết bán hàng vì thế không có thông tin về doanh thu từng mặt hàng dẫn đến không biết được lãi gộp của từng mặt hàng, không có chiến lược phát triển đối với từng mặt hàng.

Tương tự doanh nghiệp cũng không mở Sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho từng hàng hóa và không có doanh thu từng mặt hàng thì không thể biết được lãi gộp của từng mặt hàng.

Để theo dõi chi phí quản lý kinh doanh Công ty mở TK 642 (chi phí bán hàng TK 6421 và chi phí quản lý doanh nghiệp TK 6422) thế nhưng Công ty chưa mở Sổ chi tiết để theo dõi từng yếu tố chi phí.

Theo em công ty nên mở Sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 3.1), Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu số 3.2) và Bảng tổng hợp doanh thu (giá vốn) (Biểu số 3.3).

Ví dụ 3.1 : Lấy lại ví dụ 2.1 :

Căn cứ vào HĐ GTGT 00846 (Biểu số 2.1)

Ngoài việc ghi vào sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 511

Kế toán ghi vào Sổ chi tiết bán hàng mở cho Máy Photocopy Toshiba e- studio 350 (Biểu số 3.4).

Ví dụ 3.2: Lấy lại ví dụ 2.1 để ghi sổ chi phí SXKD (Biểu số 3.5)

Lấy lại ví dụ 2.3 để ghi vào Sổ chi phí SXKD (Biểu số 3.6)

Biểu số 3.1 : Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị :

Mẫu số S17-DNN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư) : ...

Năm :

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			SL	ĐG	TT	Thuế	Khác (5212, 5231)
			- Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Ngày... tháng...năm...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.2 : Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị :

Mẫu số S18-DNN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các tài khoản: 154, 631, 642, 142, 242, 632)

Tài khoản :

Tên sản phẩm, dịch vụ :

NTGS	Chứng từ		Diễn Giải	TKĐƯ	Tổng tiền	Ghi nợ tài khoản			
	SH	NT				Chia ra			
					
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
			Cộng số phát sinh trong kỳ						
			Số dư cuối kỳ						

- Số này có... trang, đánh từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ : ...

Ngày... tháng...năm...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.3 : Bảng tổng hợp

Đơn vị :

Địa chỉ:

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU (GIÁ VỐN)

Số hiệu TK :

Năm :

Đơn vị tính : đồng

STT	Tên hàng hóa	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
Cộng							

Ngàytháng...năm.....

Người ghi sổ**Kế toán trưởng**

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 3.4 : Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị :

Địa chỉ:

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên hàng hóa : Máy Photocopy Toshiba e-studio 350

Năm 2013

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số Lượng	Đơn Giá	Thành Tiền	Thuế	Khác (5212, 5231)
...	
30/12	HD0000846	30/12	Bán máy Photo cho UBND Huyện Gia Lộc	111	1	14.500.000	14.500.000		
								
			- Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ : ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng...năm...

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Sinh viên : Phạm Xuân Hưng

Lớp : QTL603K

Biểu số 3.5 : Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị :

Địa chỉ:

Mẫu số S18-DNN*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC**ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

(Dùng cho các tài khoản: 154, 631, 642, 142, 242, 632)

Tài khoản : 632

Tên sản phẩm, dịch vụ : Máy Photo

NTGS	Chứng từ		Diễn Giải	TKĐƯ	Ghi nợ TK 632		
	SH	NT			Tổng tiền	Số lượng	Đơn giá
...
30/12	PXK 981	30/12	Xuất bán máy Photo cho UBND Huyện Gia Lộc	156	12.558.333	1	12.558.333
...			
			Cộng số phát sinh				
			Số dư cuối Quý 4				

- Số này có... trang, đánh từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ : ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Sinh viên : Phạm Xuân Hưng

82

Lớp : QTL603K

Biểu số 3.6 : Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị :

Địa chỉ:

Mẫu số S18-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các tài khoản: 154, 631, 642, 142, 242, 632)

Tài khoản : 6421 – Chi phí bán hàng

Tên sản phẩm, dịch vụ :

NTGS	Chứng từ		Diễn Giải	TKĐƯ	Ghi nợ TK 6421						
	SH	NT			Tổng tiền	Chia ra					
						64211	64212	64213	...	64217	...
...
8/12	PC 663	8/12	Thanh toán tiền điện thoại BPBH tháng 11	111	1.062.127						1.062.127
...						
			Cộng số phát sinh								
			Số dư cuối Quý 4								

- Số này có... trang, đánh từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ : ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.2.2.3 Hoàn thiện việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Hiện nay, công ty có một số khách hàng nợ quá hạn nhưng vẫn chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Điều này có thể làm thất thoát tài chính của công ty, dẫn đến Công ty thiết vốn xoay vòng, mở rộng sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ.

❖ Cơ sở của việc lập dự phòng

Việc giải quyết tình trạng chiếm dụng vốn đang là vấn đề nan giải của nhiều nhà quản lý. Trong khi Công ty cần vốn để kinh doanh, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chất lượng cao, mở rộng mặt hàng kinh doanh trong khi đó công ty vẫn phải đi vay vốn vậy mà Công ty lại bị chiếm dụng vốn.

Việc khách hàng chiếm dụng vốn khiến doanh nghiệp không có số lượng tiền để kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ.

❖ Phương pháp trích lập dự phòng

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất.

$$\text{Dự phòng phải thu Khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

Cuối kỳ kế toán, công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu nợ khó đòi.

Quá hạn thanh toán	Mức trích lập
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%
	(Coi như khoản nợ không đòi được)

○ Các khoản dự phòng :

✚ Tài khoản sử dụng :

TK 159 – Các khoản dự phòng

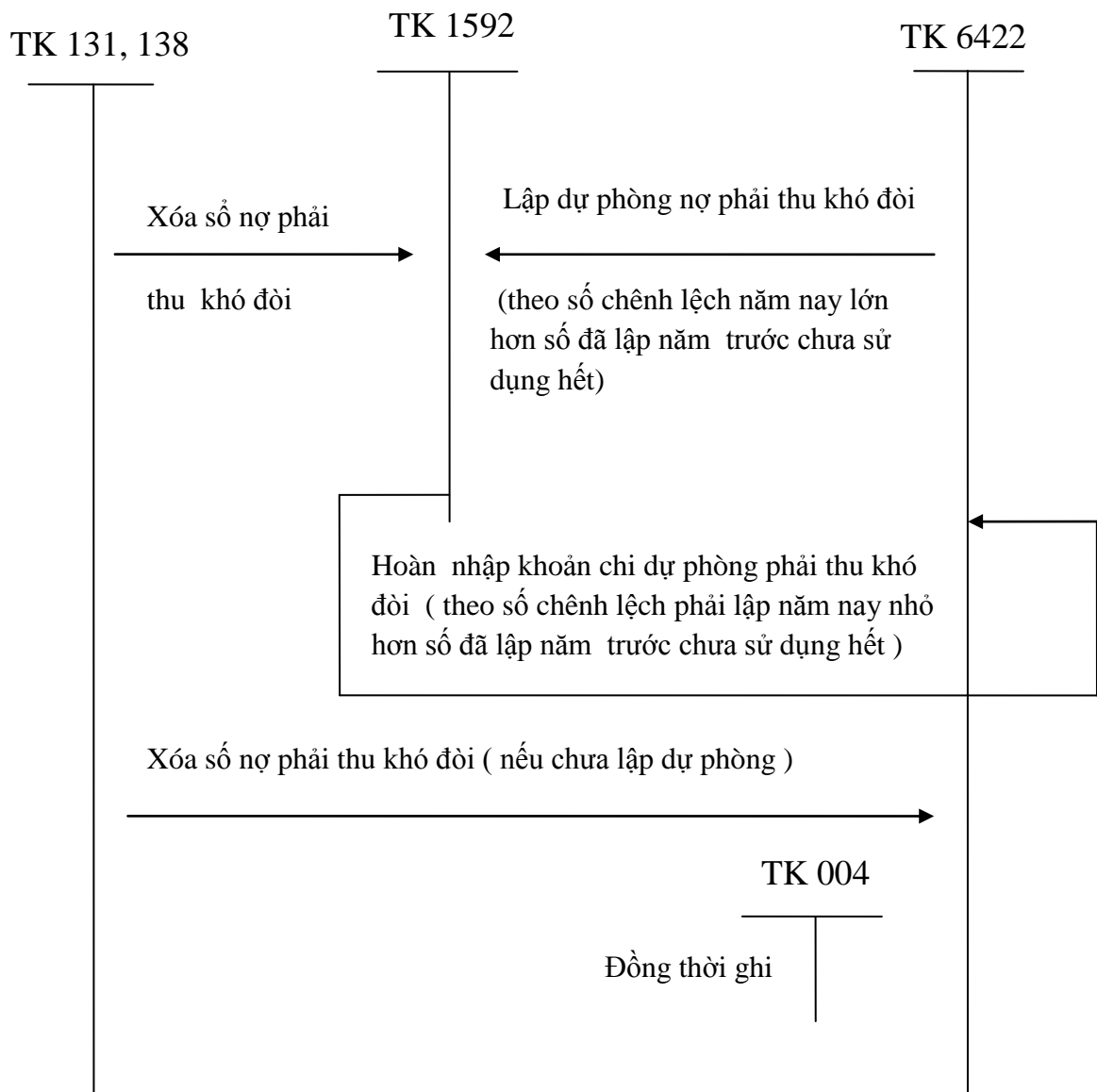
Được chi tiết cho tài khoản cấp 2 :

+ TK 1591 : Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

+ TK 1592 : Dự phòng phải thu khó đòi

+ TK 1593 : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

✚ Phương pháp hạch toán :



Sơ đồ 2.8 : Quy trình hạch toán dự phòng nợ phải thu khó đòi

Ví dụ 3.3 : Đến hết ngày 31/12/2013 Báo cáo tình hình công nợ của Công ty như sau :

Biểu số 3.7: báo cáo tình hình công nợ

Đơn vị : Công ty TNHH Tấn Phát – AA

Địa chỉ: Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh Nghị- Tp.Hải Dương

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2013

STT	Tên Khách hàng	Dư nợ đến 31/12/2013	Chưa đến hạn thanh toán	Đến hạn thanh toán	Quá hạn thanh toán	Ghi chú
1	Công ty TNHH Thiên Lý	35.124.000			35.124.000	6 tháng 15 ngày
2	Công ty TNHH Thắm Lan	20.900.000			20.900.000	1 năm 2 tháng 10 ngày
3	Anh Nguyễn Văn Thắm	20.845.380			20.845.380	2 năm 1 tháng
4	Công ty CP TMDV Hùng An	40.348.950	40.348.950			
5	Công ty Cổ phần Alpha	100.980.000	55.890320	45.089.680		
					
	Tổng cộng	780.980.180	330.189.900	473.920.900	76.869.380	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Sinh viên : Phạm Xuân Hưng

86

Lớp : QTL603K

Biểu số 3.8 : Bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Đơn vị : Công ty TNHH Tấn Phát – AA

Địa chỉ: Số 39 Lê Thánh Tông- Lê Thanh Nghi- Tp.Hải Dương

**BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI
NĂM 2013**

STT	Tên Khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty TNHH Thiên Lý	35.124.000	6 tháng 15 ngày	30%	10.537.200
2	Công ty TNHH Thắm Lan	20.900.000	1 năm 2 tháng 10 ngày	50%	10.450.000
3	Anh Nguyễn Văn Thắm	20.845.380	2 năm 1 tháng	70%	14.591.766
	Tổng cộng	76.869.380	x	x	35.578.966

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Dựa theo Báo cáo trên thì Công ty cần trích lập dự phòng năm 2013 đối với các khoản nợ sau :

- Khoản nợ 35.124.000 của Công ty TNHH Thiên Lý theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2013 có hạn thanh toán là ngày 30/6/2013, đã quá hạn thanh toán 6 tháng 15 ngày.

- Khoản nợ 20.900.000 của Công ty TNHH Thắm Lan theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2013 có hạn thanh toán là ngày 21/10/2012, đã quá hạn thanh toán 1 năm 2 tháng 10 ngày.

- Khoản nợ 20.845.380 của Anh Nguyễn Văn Thắm theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2013 có hạn thanh toán là ngày 30/11/2011, đã quá hạn thanh toán 2 năm 1 tháng.

Từ những khoản nợ như vậy Công ty không tiến hành trích lập dự phòng cũng như không tiến hành xử lý xóa sổ. Việc không trích lập nợ phải thu khó đòi có thể dẫn đến bị chiếm dụng vốn ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong khi Công ty vẫn phải đi vay vốn.

Theo như ví dụ 3.3 kế toán sẽ tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên Báo cáo tình hình công nợ như sau :

- Số dự phòng nợ phải thu khó đòi :

$$35.124.000 \times 30\% = 10.537.200$$

$$20.900.000 \times 50\% = 10.450.000$$

$$20.845.380 \times 70\% = 14.591.766$$

Kế toán định khoản :

$$\text{Nợ TK 6422} \quad : \quad 35.578.966$$

$$\text{Có TK 1592} \quad : \quad 35.578.966$$

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 159

3.2.3.4 Một số giải pháp khác

- Công ty cần liên kết với các doanh nghiệp khác và hiệp hội kế toán Tỉnh tổ chức các hội thảo, các khóa học giúp cho nhân viên kế toán trang bị những kỹ năng nghề nghiệp. Từ đó giúp nhân viên kế toán có năng lực chuyên môn cao, sử dụng thạo ngoại ngữ và máy tính. Quan trọng nhất là các khóa học phẩm chất nghề nghiệp giúp nhân viên kế toán trung thực, khác quan, chính xác, chăm chỉ cẩn thận, năng động sáng tạo, khả năng quan sát phân tích tổng hợp, chịu áp lực và yêu thích con số.

- Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán. Việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp công ty khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài

+ Mức chiết khấu thanh toán được công ty xây dựng dựa trên cơ sở thực tế, hoặc có thể tham khảo của một số công ty cùng ngành tương đương về quy mô. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính dựa vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất của Ngân hàng.

+ Khoản chiết khấu sẽ được áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu này được hạch toán vào TK

635- Chi phí hoạt động tài chính

- Công ty nên có chính sách chiết khấu thương mại cho người mua khi mua với số lượng lớn, như vậy sẽ làm tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm của công ty, thu hút thêm nhiều khách hàng.

+ Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của các doanh nghiệp cùng ngành. Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

+ Để hạch toán khoản chiết khấu thương mại công ty nên sử dụng Tài khoản 521- “Chiết khấu thương mại”. Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua do đã mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã được ghi rõ trên hợp đồng mua bán).

- Tổ chức kiểm tra, kiểm soát nội bộ, xây dựng ý thức tiết kiệm chi phí tránh các trường hợp công ty bị thất thoát nguồn lực tài chính, và những sai sót trong công tác kế toán cũng như các công tác khác trong công ty dẫn đến ảnh hưởng tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

- Tự xác định được chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của đơn vị mình (sứ mệnh doanh nghiệp) để có quyết định đầu tư đúng, đạt hiệu quả cao và tạo thế chủ động trong hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

- Nghiên cứu, nắm vững và thường xuyên cập nhật những chính sách mới của Nhà nước, của tỉnh và địa phương để chủ động thực hiện, thụ hưởng những chính sách ưu đãi và tránh những vi phạm không đáng có do ít hiểu biết gây ra

- Xây dựng chiến lược và chiến thuật để khai thác tốt nhất các nguồn vốn cơ bản cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, đó là:
 - + *Vốn tài chính*: là tiền bạc, nhà xưởng, máy móc thiết bị, ...
 - + *Vốn kiến thức*: kiến thức về quản lý, về khoa học, công nghệ, chuyên môn nghiệp vụ, ...
 - + *Vốn quan hệ*: quan hệ khách hàng, bạn hàng, đối thủ cạnh tranh, các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị và tổ chức chuyên môn, các hội nghề nghiệp, ...
 - + *Vốn thông tin*: thông tin thị trường, thông tin về khoa học, công nghệ, thương mại,...
- Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết để thu hút vốn đầu tư, khai thác công nghệ tiên tiến hiện đại, kỹ năng quản lý, ... để tạo ra sản phẩm mũi nhọn, sản phẩm truyền thống, từng bước thực hiện sứ mệnh của doanh nghiệp.
- Chủ động, tích cực nghiên cứu mở rộng thị trường và đặc biệt là từng bước giành những khoản đầu tư thích đáng để xây dựng thương hiệu một cách bài bản, tiến tới tạo dựng được *Thương hiệu sản phẩm* và *Thương hiệu doanh nghiệp* có uy tín trên thị trường.

KẾT LUẬN

Ngày nay, muốn tồn tại được các doanh nghiệp phải có sự phát triển không ngừng trong kinh doanh, cũng như chặt chẽ, nghiêm túc trong công tác quản lý và liên tục mở rộng quan hệ với khách hàng và đặc biệt là trong hoạt động sản xuất để tiến kịp với công cuộc đổi mới của đất nước. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA luôn phấn đấu để khẳng định vị thế của mình trên thị trường. Để có được vị trí như hiện nay, một phần của thành công đó không thể không kể đến sự đóng góp của công tác kế toán. Công ty đang chú trọng đầu tư cho công tác kế toán tài chính ngày càng hoàn thiện để phục vụ cho công tác quản lý ngày càng tốt hơn mà trong đó khâu đóng vai trò quan trọng là doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Có thể nói việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng và việc hạch toán nói chung tại Công ty tương đối hoàn thiện, song bên cạnh đó không tránh khỏi những thiếu sót.

Cùng với những kiến thức đã học trên ghế nhà trường, áp dụng vào thực tiễn kế toán đã được tiếp cận tại Công ty, em đã mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đóng góp để góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA.

Qua đây, em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của cô giáo Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, cũng như Ban lãnh đạo, các nhân viên của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Tấn Phát – AA đã nhiệt tình giúp đỡ, chỉ bảo em có thể hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2014

Sinh viên

Phạm Xuân Hưng